



CHỦ TỊCH NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 176 /QĐ-CTN

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tặng thưởng Huy chương Chiến sĩ vẻ vang

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Điều 88 Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng;
Xét đề nghị của Thủ tướng Chính phủ tại Tờ trình số 20/TTr-TTg
ngày 07 tháng 01 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng thưởng:

- Huy chương Chiến sĩ vẻ vang hạng nhất cho 148 cá nhân thuộc Bộ Quốc phòng
(có Danh sách kèm theo),

*Đã có thời gian 20 năm phục vụ liên tục trong lực lượng vũ trang nhân dân,
góp phần xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc.*

- Huy chương Chiến sĩ vẻ vang hạng nhì cho 281 cá nhân thuộc Bộ Quốc phòng
(có Danh sách kèm theo),

*Đã có thời gian 15 năm phục vụ liên tục trong lực lượng vũ trang nhân dân,
góp phần xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc.*

- Huy chương Chiến sĩ vẻ vang hạng ba cho 263 cá nhân thuộc Bộ Quốc phòng
(có Danh sách kèm theo),

*Đã có thời gian 10 năm phục vụ liên tục trong lực lượng vũ trang nhân dân,
góp phần xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc.*

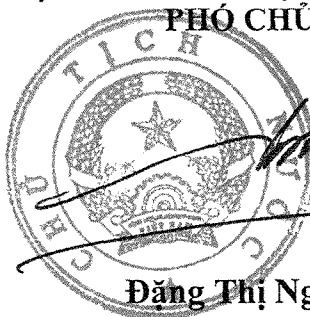
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ tướng Chính phủ, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước và các cá nhân có tên
trong Danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

KT. CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- VPCTN: CNVP, Website VP;
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW;
- Lưu: VT, Vụ TĐKT (2).



Đặng Thị Ngọc Thịnh

DANH SÁCH
CÁC CÁ NHÂN THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG ĐƯỢC CHỦ TỊCH NƯỚC
TẶNG THƯỞNG HUY CHƯƠNG CHIẾN SĨ VỆ VANG
(Kèm theo Quyết định số: 176 /QĐ-CTN, ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Chủ tịch nước)

I. HUY CHƯƠNG CHIẾN SĨ VỆ VANG HẠNG NHẤT

TT	Họ và tên	Cấp bậc	Chức vụ, đơn vị	Năm sinh	Nhập ngũ	Quê quán
1.	Nguyễn Thanh Thủy	Thiếu tá CN	Nhân viên Thư viện, Phòng Chính trị, Lữ đoàn 83, Quân chủng Hải quân	1978	01/1996	Thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
2.	Nguyễn Văn Tuấn	Thiếu tá	Phó Tham mưu trưởng, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 83, Quân chủng Hải quân	1976	9/1996	Xã Tây An, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
3.	Tô Thị Hồng	Đại úy CN	Nhân viên Tài chính, Cơ quan Lữ đoàn, Lữ đoàn 83, Quân chủng Hải quân	1977	10/1996	Xã Quỳnh Lập, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An
4.	Trần Văn Hoàn	Trung úy CN	Thợ điện, Đại đội 2, Tiểu đoàn 885, Lữ đoàn 83, Quân chủng Hải quân	1976	3/1997	Xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương
5.	Nguyễn Văn Khang	Trung úy CN	Nhân viên Văn hóa, Phòng Chính trị, Lữ đoàn 83, Quân chủng Hải quân	1977	3/1997	Xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
6.	Lê Minh Hiền	Đại úy CN	Nhân viên, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 83, Quân chủng Hải quân	1976	3/1997	Xã Hoàng Long, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
7.	Lê Đình Hà	Thiếu tá	Phó Tiểu đoàn trưởng, Tiểu đoàn 887, Lữ đoàn 83, Quân chủng Hải quân	1978	9/1997	Xã Vạn Thiện, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
8.	Nguyễn Quốc Oai	Thiếu tá	Giảng viên, Khoa Quân sự thể thao, Học viện Hải quân, Quân chủng Hải quân	1978	9/1997	Xã Hồng Lý, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
9.	Nguyễn Đức Phán	Trung tá	Giảng viên, Khoa Quân sự thể thao, Học viện Hải quân, Quân chủng Hải quân	1976	02/1995	Xã Điện Thọ, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
10.	Lê Việt Cường	Thiếu tá	Chính trị viên, Tiểu đoàn 5, Học viện Hải quân, Quân chủng Hải quân	1977	10/1996	Xã Hoàng Quỳ, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
11.	Hoàng Văn Thanh	Trung tá	Trợ lý, Phòng Bảo vệ an ninh, Cục Chính trị, Quân chủng Hải quân	1975	8/1996	Xã Quỳnh Hoàng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
12.	Nguyễn Công Hoạch	Thiếu tá CN	Dược sỹ, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1975	3/1996	Xã Yên Bằng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
13.	Nguyễn Trần Nam	Trung tá	Tiểu đoàn trưởng 883, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1975	3/1996	Xã Kim Thành, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình

14.	Nguyễn Thị Hiên	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần, Học viện Hải quân, Quân chủng Hải quân	1973	12/1997	Phường Thanh Tuyền, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
15.	Nguyễn Văn Quang	Trung tá	Tiểu đoàn trưởng, Tiểu đoàn 881, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1975	9/1993	Xã Hoàng Đạt, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
16.	Lê Ngọc Sang	Thượng úy CN	Lái xe, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1975	8/1994	Xã Yên Thắng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
17.	Cao Văn Hiến	Thượng úy CN	Thợ vận hành máy, Tiểu đoàn 883, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1977	3/1995	Xã Đông Lĩnh, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
18.	Hoàng Phú Cường	Đại úy CN	Nhân viên Doanh trại, Tiểu đoàn 881, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1974	9/1996	Thị trấn Cát Thành, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định
19.	Đỗ Xuân Dũng	Thượng úy CN	Thợ sửa chữa, Tiểu đoàn 881, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1974	8/1994	Xã Yên Trị, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
20.	Vũ Đình Thuận	Trung úy CN	Thợ vận hành máy, Tiểu đoàn 883, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1976	2/1995	Xã Xuân Tân, huyện Xuân Trưởng, tỉnh Nam Định
21.	Phan Quang Thế	Thiếu tá CN	Trợ lý Hành chính, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1974	9/1995	Xã Chiến Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên
22.	Hà Xuân Hưng	Thượng úy CN	Lái xe, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1974	7/1995	Xã Nhân Mỹ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
23.	Đào Văn Sỹ	Đại úy CN	Quản lý, Tiểu đoàn 881, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1975	9/1995	Xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
24.	Ngô Văn Hưng	Thiếu tá	Chính trị viên, Đại đội 2, Tiểu đoàn 881, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1977	9/1995	Xã Xuân Hòa, huyện Lập Thạch, tỉnh Phú Thọ
25.	Lê Xuân Hợp	Trung úy CN	Thợ máy, Tiểu đoàn 881, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1976	9/1996	Phường Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
26.	Lê Thế Hòa	Trung úy CN	Lái xe, Đại đội 12, Tiểu đoàn 884, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1975	9/1997	Xã Hoàng Đạt, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
27.	Nguyễn Văn Hùng	Trung úy CN	Thợ vận hành máy, Tiểu đoàn 881, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1977	9/1997	Xã Trực Đại, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định
28.	Trần Văn Viên	Thượng úy CN	Thợ xây dựng, Tiểu đoàn 881, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1979	9/1997	Xã Hải Triều, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
29.	Lê Văn Long	Trung tá	Thuyền trưởng, Tàu 187, Lữ đoàn 189, Quân chủng Hải quân	1976	9/1994	Xã Thuận Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
30.	Đỗ Hữu Hưng	Thiếu tá CN	Y sỹ, Bệnh xá, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 171, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1975	3/1993	Xã An Đạo, huyện Phủ Ninh, tỉnh Phú Thọ

31.	Nguyễn Văn Hiếu	Thiếu tá CN	Nhân viên, Nhà giàn DK1/2, Tiểu đoàn DK1, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1974	3/1997	Phường Thạch Linh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
32.	Lưu Thượng Huân	Thượng úy CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 125, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1975	02/1995	Xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
33.	Nguyễn Phi Minh	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 171, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1970	9/1996	Xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang
34.	Nguyễn Văn Toàn	Thượng úy CN	Nhân viên Máy, Tàu 924, Hải đội 5, Lữ đoàn 125, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1972	3/1993	Xã Thạch Bắc, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh
35.	Nguyễn Văn Giới	Đại úy CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 171, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1976	02/1994	Xã Thăng Long, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
36.	Trần Anh Lương	Thiếu tá CN	Trợ lý, Phòng Kỹ thuật, Lữ đoàn 125, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1975	3/1993	Xã Nam Hải, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình
37.	Nguyễn Thành Văn	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 125, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1974	9/1993	Xã Đông Lĩnh, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
38.	Nguyễn Tùng Việt	Thiếu tá CN	Nhân viên Tên lửa, Tàu 377, Lữ đoàn 167, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1975	9/1993	Xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên
39.	Trần Thị Hồng Quân	Thượng úy CN	Thủ kho, Xưởng 91, Phòng Kỹ thuật, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1969	3/1994	Xã Cổ Đàm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
40.	Nguyễn Thế Hùng	Trung tá	Thuyền trưởng, Tàu 09, Lữ đoàn 171, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1976	9/1994	Phường Tân Dân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
41.	Đào Văn Sơn	Thượng úy CN	Nhân viên Hàng hải, Tàu 272, Lữ đoàn 167, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1972	3/1993	Xã Gia Vượng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
42.	Nguyễn Thanh Hải	Thiếu tá	Nghiệp vụ trưởng Hàng hải, Lữ đoàn 125, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1976	3/1995	Xã Tĩnh Hải, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa
43.	Lê Thị Xuân	Đại úy CN	Nhân viên, Bệnh xá, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 171, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1976	4/1995	Xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa
44.	Lê Minh Giang	Thiếu tá	Thuyền trưởng, Tàu 17, Lữ đoàn 171, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1975	9/1995	Xã Nga Giáp, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
45.	Nguyễn Sỹ Tình	Thiếu tá	Trưởng ban, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 125, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1977	9/1995	Xã Đông Á, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
46.	Phí Ngọc Thuần	Đại úy CN	Thủy thủ trưởng, Tàu 273, Lữ đoàn 167, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1976	10/1995	Xã Thanh Cường, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
47.	Vũ Văn Định	Thượng úy CN	Nhân viên, Ban Tham mưu, Trung đoàn 251, Vùng 2, Hải quân	1976	02/1996	Xã Đức Hòa, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh

48.	Nguyễn Văn Phúc	Thiếu tá CN	Nhân viên, Trạm 92, Căn cứ 696, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1975	3/1995	Xã Nam Lợi, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
49.	Phạm Đình Tám	Đại úy CN	Hàng Hải số 1, Tàu 960, Hải đội 5, Lữ đoàn 125, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1976	3/1996	Xã Sơn Thủy, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
50.	Phạm Ngọc Quang	Thượng úy CN	Bếp trưởng, Cảng vụ, Lữ đoàn 171, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1977	3/1996	Xã Thạch Mỹ, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh
51.	Nguyễn Viết Tuyến	Đại úy CN	Nhân viên Điện tàu, Tàu 378, Lữ đoàn 167, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1977	3/1997	Xã Tế Nông, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
52.	Hồ Thị Tố Anh	Thượng úy CN	Nhân viên, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 171, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1976	3/1996	Xã Quốc Tuấn, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
53.	Lê Đình Minh	Đại úy CN	Tiểu đội trưởng, Ngành 7, Tàu 11, Lữ đoàn 171, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1976	10/1995	Xã Ninh Giang, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
54.	Trần Đình Long	Đại úy CN	Nhân viên Cảng vụ, Căn cứ 696, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1977	3/1997	Xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
55.	Cù Huy Dũng	Thượng úy CN	Điện trưởng, Tàu 636, Hải đội 811, Lữ đoàn 125, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1975	3/1996	Xã Thụy Trinh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
56.	Nguyễn Văn Tú	Thiếu tá CN	Tiểu đội trưởng Tua bin, Lữ đoàn 167, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1977	3/1997	Xã Nghĩa Hưng, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
57.	Vũ Văn Hòa	Thiếu tá	Chính trị viên, Tàu 377, Lữ đoàn 167, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1978	3/1997	Xã Quảng Đức, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
58.	Hoàng Thanh Hải	Trung tá	Trạm trưởng, Trạm 555, Trung đoàn 351, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1975	3/1997	Xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
59.	Hoàng Văn Dương	Trung tá	Chính trị viên, Tiểu đoàn 353, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1975	3/1997	Xã Cẩm Lộc, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh
60.	Đặng Văn Tiến	Thiếu tá	Đội trưởng Tàu Kiểm ngư, Chi đội Kiểm ngư số 3, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1978	9/1997	Xã Thạch Môn, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
61.	Mai Xuân Hưng	Thượng úy CN	Điện trưởng, Tàu 361, Hải đội 131, Lữ đoàn 172, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1978	3/1997	Xã Hoảng Khê, huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
62.	Trần Thị Sứa	Đại úy CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 172, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1963	11/1996	Xã Hưng Xuân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
63.	Nguyễn Cần Thơ	Thiếu tá	Chính trị viên, Trạm Kỹ thuật, Lữ đoàn 680, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1977	3/1997	Xã Hồng Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
64.	Nguyễn Công Niên	Thiếu tá	Nhân viên Kíp xuồng, Hải đội 4,	1974	02/1996	Xã Trường Sơn, huyện Đức

		CN	Vùng 1, Quân chủng Hải quân			Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
65.	Trịnh Ngọc Nam	Đại úy	Chính trị viên, Tàu KN 303, Chi đội Kiểm ngư số 3, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1978	3/1997	Xã Đức Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
66.	Trần Văn Minh	Thiếu tá	Trưởng ban Xăng dầu, Phòng Hậu cần, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1978	9/1997	Xã Hoảng Quỳ, huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
67.	Lê Minh Hải	Đại úy CN	Lái xe, Đại đội 13, Tiểu đoàn 474, Lữ đoàn 147, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1972	3/1997	Xã An Mỹ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
68.	Nguyễn Văn Hữu	Trung tá	Phó Tiểu đoàn trưởng kỹ thuật, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1974	3/1997	Xã Nam Cao, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
69.	Nguyễn Tuấn Anh	Đại úy CN	Nhân viên vận hành Máy, Tàu 211, Hải đội 137, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1974	02/1996	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
70.	Nguyễn Văn Khoa	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Hành chính, Phòng Tham mưu, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1974	9/1996	Xã Thụy Văn, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
71.	Vũ Đình Duy	Thiếu tá CN	Kỹ thuật viên, Trạm Kỹ thuật, Lữ đoàn 679, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1974	02/1993	Xã Phong Châu, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
72.	Vũ Văn Tài	Đại úy CN	Máy trưởng, Tàu 478, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1975	2/1993	Xã Nga Văn, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
73.	Quách Thị Liễu	Thiếu tá CN	Nhân viên Báo thoại, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1974	3/1993	Xã Tân lập, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
74.	Trần Văn Trà	Trung tá	Trợ lý, Ban Quân sự địa phương, Phòng Tham mưu, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1975	9/1993	Xã Hoảng Hợp, huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
75.	Phạm Thị Hải	Đại úy CN	Nhân viên, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 147, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1995	9/1993	Xã Thụy An, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
76.	Nguyễn Bá Khánh	Thiếu tá CN	Thợ sửa chữa Thông tin, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1975	9/1993	Xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
77.	Phan Văn Biển	Đại úy CN	Nhân viên Hàng hải, Tàu 797, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1972	9/1993	Xã Phong Châu, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
78.	Quách Văn Việt	Đại úy CN	Nhân viên Hàng hải, Tàu 551, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1974	9/1993	Xã Hải Trung, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
79.	Hoàng Văn Hoàn	Thiếu tá CN	Điện trưởng, Tàu 635, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1974	9/1993	Xã Thụy Hồng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
80.	Nguyễn Đức Nam	Thiếu tá	Trợ lý Trực ban Phân trạm, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1975	9/1993	Xã Nghĩa Thắng, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định

81.	Vũ Văn Tấn	Thiếu tá	Trợ lý Chính trị, Phòng Kỹ thuật, Lữ đoàn 170, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1974	02/1994	Xã Giao Phong, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
82.	Cao Văn Kiều	Đại úy CN	Máy trưởng, Tàu 911, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1975	02/1994	Xã Thụy Xuân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
83.	Lưu Đình Thuế	Đại úy CN	Thợ sửa chữa Ra đa, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1975	02/1994	Xã Hiệp Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
84.	Phạm Văn Thuần	Trung úy CN	Nhân viên Quân y, Phòng Tham mưu, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1976	02/1994	Xã Thụy An, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
85.	Lê Tất Bình	Thiếu tá CN	Nhân viên Ra đa, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1974	02/1994	Xã Yên Thọ, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
86.	Lê Trung Kiên	Thiếu tá CN	Nhân viên Ra đa, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1975	02/1994	Xã Đông Yên, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
87.	Trần Văn Quang	Thiếu tá CN	Tiểu đội trưởng Ra đa, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1975	02/1994	Xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
88.	Hoàng Văn Cẩm	Trung úy CN	Nhân viên, Trạm Nguồn điện, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1975	02/1994	Xã Hộ Độ, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh
89.	Lê Thị Thanh	Đại úy CN	Nhân viên, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 147, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1966	8/1994	Xã Hoàng Đạt, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
90.	Lương Thu Hương	Đại úy CN	Nhân viên, Tiểu đoàn 473, Lữ đoàn 147, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1976	8/1994	Phường Yên Giang, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh
91.	Trần Văn Đức	Đại úy CN	Nhân viên, Trạm Nguồn điện, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1976	9/1994	Phường Yên Hải, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh
92.	Nguyễn Đức Toàn	Thượng úy CN	Nhân viên huấn luyện, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1974	02/1995	Xã Yên Tân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
93.	Mai Đình Thụ	Thượng úy CN	Tiểu đội trưởng Thông tin, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1973	9/1994	Xã Quỳnh Bá, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
94.	Hoàng Thị Thắm	Đại úy CN	Nhân viên, Tiểu đoàn 1047, Lữ đoàn 147, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1976	8/1994	Xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
95.	Hoàng Đình Thuận	Trung tá	Trợ lý Trục ban Phân trạm, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1975	9/1994	Xã Quảng Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
96.	Trần Văn Lành	Thiếu tá	Chủ nhiệm kho, Kho 706, Phòng Kỹ thuật, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1977	10/1995	Xã Trục Phú, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định
97.	Hồ Khắc Chiến	Thượng úy CN	Tiểu đội trưởng Ra đa, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1975	9/1994	Xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh

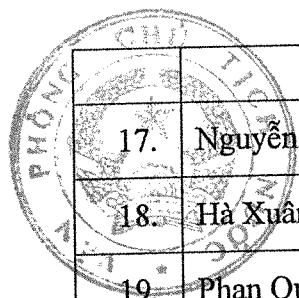
98.	Nguyễn Thị Hằng	Đại úy CN	Nhân viên, Bệnh xá, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 147, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1976	7/1995	Xã Thái Học, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
99.	Đoàn Trung Thắng	Thượng úy CN	Điện trưởng, Tàu 312, Hải đội 135, Lữ đoàn 170, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1974	02/1995	Xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
100.	Trần Thanh Sơn	Đại úy CN	Nhân viên Xăng dầu, Hải đội 137, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1976	02/1995	Xã Phù Ninh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
101.	Lại Văn Học	Đại úy	Phó Trạm trưởng kỹ thuật, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1976	02/1995	Xã Xuân Viên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
102.	Nguyễn Mạnh Thành	Thiếu tá	Trợ lý Ra đa, Ban Ra đa, Phòng Tham mưu, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1978	9/1996	Xã Đông Hội, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
103.	Lê Văn Dũng	Đại úy CN	Nhân viên, Ban Doanh trại, Phòng Hậu cần, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1977	9/1995	Thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
104.	Nguyễn Hải Dương	Thiếu tá	Chính trị viên, Trạm 525, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1976	9/1995	Xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
105.	Ngô Từ Anh	Đại úy CN	Trợ lý, Trạm Nguồn điện, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1976	3/1996	Xã Thanh Lương, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
106.	Nguyễn Thanh Chân	Đại úy	Trợ lý, Ban Khí tài Điện tử, Phòng Kỹ thuật, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1976	10/1995	Xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
107.	Nguyễn Văn Cường	Thiếu tá CN	Thợ sửa chữa, Trạm 152, Phòng Kỹ thuật, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1975	10/1995	Xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
108.	Vũ Thế Hiển	Thiếu tá	Phó Chủ nhiệm Kỹ thuật, Lữ đoàn 170, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1977	10/1995	Xã Gia Vân, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
109.	Bùi Văn Thanh	Đại úy CN	Nhân viên, Phòng Kỹ thuật, Lữ đoàn 170, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1976	10/1995	Xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
110.	Nguyễn Văn Thủy	Thượng úy CN	Kỹ thuật viên, Trạm Kỹ thuật, Lữ đoàn 679, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1977	10/1995	Xã Thọ Vinh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
111.	Vương Toàn Trường	Đại úy CN	Trắc thủ Radar, Tàu 267, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1975	10/1995	Phường Hồng Châu, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
112.	Nguyễn Tuấn Anh	Thiếu tá CN	Nhân viên, Tàu 797, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1975	10/1995	Thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
113.	Nguyễn Văn khánh	Thượng úy CN	Nhân viên, Trạm Sửa chữa Tổng hợp, Hải đội 137, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1976	10/1995	Xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
114.	Đỗ Văn Đệ	Thượng úy CN	Nhân viên Quân y, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1977	10/1995	Xã Gia Vân, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình

115.	Đinh Quang Trung	Trung úy CN	Y tá, Kho 706, Phòng Kỹ thuật, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1976	3/1996	Xã Vũ Vinh, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
116.	Lê Ngọc Chính	Đại úy CN	Kỹ thuật viên, Trạm Kỹ thuật, Lữ đoàn 679, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1977	3/1996	Xã Thái Xuyên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
117.	Nguyễn Văn Thắng	Thượng úy CN	Ngành phó, Trạm Kỹ thuật, Lữ đoàn 679, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1976	3/1996	Xã Gia Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình
118.	Phạm Đình Thắng	Thượng úy CN	Nhân viên, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 679, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1977	3/1996	Xã Kiên Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
119.	Phạm Hải Dưỡng	Thượng úy CN	Nhân viên Cơ điện, Tàu 980, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1979	3/1996	Xã Tuấn Hưng, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
120.	Đoàn Văn Trọng	Thượng úy CN	Nhân viên Ra đa, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1977	3/1996	Xã Trục Đại, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định
121.	Trần Văn Vinh	Thượng úy CN	Tiểu đội trưởng Thông tin, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1977	3/1996	Xã Đồng Thái, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng
122.	Bùi Văn Mạnh	Thượng úy CN	Nhân viên Ra đa, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1977	3/1996	Xã Quảng Lư, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
123.	Nguyễn Văn Nam	Thượng úy CN	Nhân viên Ra đa, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1977	3/1996	Xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương
124.	Ngô Duy Thịnh	Thiếu tá	Trưởng ban Tàu thuyền, Phòng Kỹ thuật, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1978	10/1996	Xã Tân Bình, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
125.	Phạm Văn Nam	Thiếu tá	Chính trị viên phó, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1978	02/1997	Xã Minh Tân, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh
126.	Nguyễn Đức Phong	Đại úy CN	Nhân viên, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 170, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1978	3/1997	Xã Xong Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
127.	Phạm Hồng Kỳ	Thượng úy CN	Máy trưởng, Tàu 306, Hải đội 135, Lữ đoàn 170, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1976	3/1997	Phường Yên Giang, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh
128.	Nguyễn Xuân Quyết	Thượng úy CN	Trình sát viên, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 147, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1977	3/1997	Xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
129.	Lê Hồng Sơn	Thượng úy	Phân đội trưởng, Đội Hỏa lực, Lữ đoàn 679, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1978	3/1997	Xã Nam Hải, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình
130.	Phạm Văn Trường	Thượng úy CN	Nhân viên, Tàu 453, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1977	3/1997	Phường Lê Lợi, quận An Dương, thành phố Hải Phòng
131.	Nguyễn Văn Viết	Đại úy CN	Nhân viên Hàng hải, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1978	3/1997	Xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

132.	Nguyễn Xuân Lam	Thượng úy CN	Thủy thủ trưởng, Tàu 266, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1974	3/1997	Xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
133.	Nguyễn Quốc Tuấn	Thiếu tá	Trợ lý Tham mưu - Kế hoạch, Tiểu đoàn 158, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1977	3/1997	Xã Hồng Phong, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
134.	Phạm Kim Dũng	Thiếu tá	Trợ lý Chính trị, Phòng Kỹ thuật, Lữ đoàn 147, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1977	9/1997	Xã Đông Tân, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
135.	Đỗ Đình Hùng	Đại úy CN	Nhân viên, Phòng Kỹ thuật, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1977	02/1997	Xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
136.	Trần Văn Toán	Thượng úy CN	Lái xe, Đại đội 2, Tiểu đoàn 862, Lữ đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1977	3/1997	Xã Kỳ Giang, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
137.	Hồ Văn Tài	Thiếu tá	Cán bộ, Tiểu đoàn 3, Lữ đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1979	3/1997	Xã Ích Hậu, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh
138.	Dương Thế Trung	Thượng úy CN	Thủy thủ trưởng, Tàu KN 403, Chi đội Kiểm ngư số 4, Vùng 4, Hải quân	1976	3/1997	Xã Thạch Bằng, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
139.	Trần Đại Chính	Đại úy CN	Nhân viên, Đại đội 13, Phòng Kỹ thuật, Lữ đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1976	3/1997	Xã Phúc Thành, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
140.	Nguyễn Minh Chung	Thiếu tá	Chính trị viên, Cụm 2, đảo Sinh Tồn, Lữ đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1978	3/1997	Xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
141.	Nguyễn Văn Duy	Thiếu tá	Trưởng ban, Ban Doanh trại, Phòng Hậu cần, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1979	9/1997	Xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
142.	Nguyễn Quang Kiên	Thiếu tá	Phó Chủ nhiệm Kỹ thuật, Lữ đoàn 957, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1979	9/1997	Xã Trảng Sơn, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
143.	Phạm Quang Chính	Thượng úy CN	Trưởng xuống CQ, đảo Tốc Tan, Lữ đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1977	3/1997	Xã Hùng Thắng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng
144.	Lê Hùng Vương	Thượng úy CN	Nhân viên, Tàu 950, Hải đội 412, Lữ đoàn 162, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1977	3/1997	Xã Kim Định, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình
145.	Lương Cao Đình	Thiếu tá	Phó thuyền trưởng, Tàu 011, Lữ đoàn 162, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1979	9/1997	Xã An Lão, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
146.	Lê Văn Hiền	Thiếu tá	Chính trị viên, Hải đội 412, Lữ đoàn 162, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1979	9/1997	Xã Hoài Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định
147.	Phạm Minh Tuấn	Thiếu tá	Thuyền trưởng, Tàu 012, Lữ đoàn 162, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1979	9/1997	Xã Thụy Sơn, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
148.	Phạm Thái Dương	Thượng úy	Trợ lý, Ban Kỹ thuật, Kho trạm Kỹ thuật 719, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1976	9/1997	Xã Thạch Mỹ, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh

II. HUY CHƯƠNG CHIẾN SĨ VẼ VANG HẠNG NHÌ:

TT	Họ và tên	Cấp bậc	Chức vụ, đơn vị	Năm sinh	Nhập ngũ	Quê quán
1.	Phan Quốc Thông	Trung úy CN	Nhân viên Cơ yếu, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 83, Quân chủng Hải quân	1980	02/2001	Xã Thụy Trình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
2.	Nguyễn Văn Tri	Đại úy	Trợ lý, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 83, Quân chủng Hải quân	1982	9/2001	Xã Đức Hương, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh
3.	Nguyễn Hữu Bằng	Trung úy CN	Lái xe, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 83, Quân chủng Hải quân	1982	10/2001	Xã Đức Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
4.	Ngô Văn Tuấn	Trung úy CN	Thợ sửa chữa, Tiểu đoàn 887, Lữ đoàn 83, Quân chủng Hải quân	1980	10/2001	Xã Duy Nhất, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
5.	Đồng Như Thăng	Trung úy CN	Nhân viên Điện nước, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 83, Quân chủng Hải quân	1976	10/2001	Xã Khánh Hải, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
6.	Phan Huy Sơn	Trung úy CN	Lái xe, Đại đội 6, Tiểu đoàn 886, Lữ đoàn 83, Quân chủng Hải quân	1983	3/2002	Xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
7.	Nguyễn Công Minh	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Kỹ thuật, Học viện Hải quân, Quân chủng Hải quân	1979	3/2001	Xã Thạch Mỹ, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh
8.	Phan Thị Nga	Đại úy CN	Nhân viên, Hệ 3, Học viện Hải quân, Quân chủng Hải quân	1972	12/2000	Xã Thanh Long, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
9.	Trịnh Thị Thu Hương	Thượng úy CN	Nhân viên, Phòng Đào tạo, Học viện Hải quân, Quân chủng Hải quân	1976	3/2001	Xã Nam Cát, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
10.	Nguyễn Vinh Tiến	Thiếu tá	Chủ nhiệm Bộ môn, Khoa Thông tin Ra đa, Học viện Hải quân, Quân chủng Hải quân	1980	9/1999	Xã Đồng Tân, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
11.	Đỗ Thị Hải	Trung úy CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần, Học viện Hải quân, Quân chủng Hải quân	1980	5/2000	Xã Vĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An
12.	Lê Văn Cường	Đại úy	Giảng viên, Khoa Thông tin Ra đa, Học viện Hải quân, Quân chủng Hải quân	1982	9/2000	Xã Xuân Hòa, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
13.	Phạm Văn Thuận	Đại úy	Giảng viên, Khoa Tên lửa pháo tàu, Học viện Hải quân, Quân chủng Hải quân	1983	9/2001	Phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
14.	Lữ Đức Thuận	Đại úy	Giảng viên, Khoa Quân sự Thể thao, Học viện Hải quân, Quân chủng Hải quân	1982	9/2001	Xã Nghĩa Thái, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
15.	Huỳnh Ngọc Thanh	Đại úy	Giảng viên, Khoa Cơ điện, Học viện Hải quân, Quân chủng Hải quân	1983	9/2001	Xã Đức Lĩnh, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh
16.	Nguyễn Thị Thanh	Trung úy	Nhân viên, Phòng Hậu cần, Học viện Hải	1981	9/2002	Xã Vĩnh Trung, thành phố Nha



		CN	quân, Quân chủng Hải quân			Trang, tỉnh Khánh Hòa
17.	Nguyễn Trần Nam	Trung tá	Tiểu đoàn trưởng, Tiểu đoàn 883, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1975	3/2000	Xã Cao Dương, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
18.	Hà Xuân Hưng	Thượng úy CN	Lái xe, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1974	8/1999	Xã Phú Đông, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
19.	Phan Quang Thế	Thiếu tá CN	Trợ lý Hành chính, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1974	9/1999	Xã Đông Lĩnh, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
20.	Vũ Đình Thuận	Trung úy CN	Thợ vận hành máy, Tiểu đoàn 883, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1983	9/1999	Xã Nhân Mỹ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
21.	Cao Văn Hiến	Thượng úy CN	Thợ vận hành máy, Tiểu đoàn 883, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1977	8/1999	Xã Yên Trị, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
22.	Lưu Văn Sáng	Trung úy CN	Lái máy húc, Đại đội 6 Vượt sông, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1977	2/2001	Xã Xuân Tân, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định
23.	Nguyễn Văn Nhật	Thượng úy CN	Thợ xây dựng công trình, Tiểu đoàn 881, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1977	3/2001	Xã Mỹ Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
24.	Lưu Văn Thùy	Thượng úy CN	Thợ xây dựng công trình, Tiểu đoàn 881, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1978	02/2001	Xã Trường Thọ, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng
25.	Vũ Thế Anh	Thượng úy CN	Thợ xây dựng công trình, Tiểu đoàn 881, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1980	9/2001	Xã Hải Trung, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
26.	Trần Văn Khánh	Đại úy	Phó Đại đội trưởng, Đại đội 12, Tiểu đoàn 884, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1980	7/1999	Xã Tân Việt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
27.	Nguyễn Đình Sang	Trung úy CN	Y sĩ, Tiểu đoàn 883, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1980	8/1999	Xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
28.	Vũ Đức Khoa	Trung úy CN	Quản lý, Tiểu đoàn 883, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1980	8/1999	Xã Hiến Thành, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
29.	Đỗ Quang Dinh	Thượng úy	Trợ lý Xăng dầu, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1981	9/2001	Xã Đông Vinh, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
30.	Vũ Đức Ngọc	Thượng úy	Trợ lý Thi công, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1981	3/2001	Xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
31.	Bùi Hải Đăng	Trung úy CN	Lái xe, Tiểu đoàn 884, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1984	8/2001	Xã Tân Việt, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
32.	Vũ Đức Thịnh	Thiếu tá	Phó Chủ nhiệm, Phòng Kỹ thuật, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1983	8/2001	Xã Thái Trục, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định

33.	Đại Quang Trung	Đại úy	Trợ lý Thi công, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1984	9/2002	Xã Tam Cường, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
34.	Nguyễn Thanh Tùng	Đại úy	Đại đội trưởng, Đại đội 12, Tiểu đoàn 884, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1981	9/2002	Thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc
35.	Nguyễn Trí Thức	Thượng úy	Đại đội trưởng, Đại đội 11, Tiểu đoàn 884, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1983	9/2002	Xã Bọt Xuyên, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
36.	Trần Ngọc Cường	Trung úy CN	Nhân viên Thống kê, Phòng Kỹ thuật, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1983	7/2002	Xã Ninh Hòa, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
37.	Nguyễn Công Hứa	Thượng úy CN	Trợ lý Hậu cần, Tiểu đoàn 883, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1983	6/2002	Xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
38.	Lê Xuân Ngân	Trung tá CN	Ngành phó, Trạm Kỹ thuật, Lữ đoàn 679, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1970	3/1989	Xã Gia Lạc, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
39.	Đào Văn Thuận	Thiếu tá CN	Nhân viên Cơ điện, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1974	3/1989	Xã Định Trung, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
40.	Phạm Tuấn Hưng	Thiếu tá CN	Thuyền trưởng, Tàu 453, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1975	02/2001	Xã Vũ Vân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
41.	Nguyễn Văn Hữu	Trung tá	Phó Tiểu đoàn trưởng, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1974	3/2001	Xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
42.	Nguyễn Công Niên	Thiếu tá CN	Nhân viên Kíp xuống, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1976	02/2000	Xã An Mỹ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
43.	Vũ Tiến Dũng	Trung tá	Chủ nhiệm Chính trị, Lữ đoàn 147, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1974	3/2000	Xã Nam Cao, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
44.	Nguyễn Văn Khoa	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Hành chính, Phòng Tham mưu, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1975	9/1999	Xã Lam Hạ, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
45.	Phạm Văn Chương	Đại úy CN	Nhân viên Hàng hải, Tàu 474, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1976	02/1999	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
46.	Lại Văn Học	Đại úy	Phó Trạm trưởng Kỹ thuật, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1976	02/1999	Xã Hồng Quỳnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
47.	Nguyễn Thị Hằng	Đại úy CN	Nhân viên, Bệnh xá, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 147, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1976	7/1999	Xã Yên Tân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
48.	Nguyễn Thanh Chân	Đại úy	Trợ lý, Ban Khí tài Điện tử, Phòng Kỹ thuật, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1976	10/1999	Xã Xuân Viên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
49.	Vũ Thế Hiển	Thiếu tá	Phó Chủ nhiệm Kỹ thuật, Lữ đoàn 170, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1977	10/1999	Xã Trục Phú, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định

50.	Nguyễn Văn Khánh	Thượng úy CN	Nhân viên, Hải đội 137, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1976	10/1999	Xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
51.	Lê Ngọc Thành	Thượng úy CN	Kỹ thuật viên, Trạm Kỹ thuật, Lữ đoàn 679, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1976	3/2000	Thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
52.	Nguyễn Công Hùng	Thượng úy CN	Đài trưởng, Trạm Thông tin Ra đa, Lữ đoàn 679, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1975	3/2000	Xã Vũ Vinh, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
53.	Trần Văn Vinh	Thượng úy CN	Tiểu đội trưởng Thông tin, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1977	3/2000	Xã Việt Hùng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
54.	Bùi Văn Mạnh	Thượng úy CN	Nhân viên Ra đa, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1977	3/2000	Xã Trục Đại, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định
55.	Nguyễn Mạnh Thành	Thiếu tá	Trợ lý Ra đa, Ban Ra đa, Phòng Tham mưu, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1978	9/2000	Xã Đồng Thái, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng
56.	Ngô Duy Thịnh	Thiếu tá	Trưởng ban Tàu thuyền, Phòng Kỹ thuật, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1978	10/2000	Xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương
57.	Phạm Văn Nam	Thiếu tá	Chính trị viên phó, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1978	02/2001	Xã Đông Hội, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
58.	Trần Thành Chung	Trung úy CN	Kỹ thuật viên, Trạm Kỹ thuật, Lữ đoàn 679, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1979	3/2001	Xã Tân Bình, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
59.	Lê Hồng Duẩn	Thượng úy CN	Nhân viên, Trạm Nguồn điện, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1978	3/2001	Xã Tân Hưng, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
60.	Nguyễn Văn Thảo	Thượng úy CN	Nhân viên, Tiểu đội Thông tin, Hải đội 137, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1977	02/2001	Xã Hoàng Long, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
61.	Nguyễn Văn Hải	Thượng úy CN	Thợ sửa chữa Ra đa, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1979	02/2001	Xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
62.	Nguyễn Mạnh Thuần	Trung úy CN	Nhân viên Quản lý, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1978	02/2001	Xã Ngũ Phúc, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng
63.	Đỗ Thị Mai	Thiếu tá CN	Nhân viên Nấu ăn, Tiểu đoàn 158, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1975	5/2001	Xã Hoàng Trinh, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa

64.	Phùng Đức Hoà	Thiếu tá	Trưởng ban Quân lực, Phòng Tham mưu, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1977	9/2001	Xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
65.	Trần Ngọc Tú	Thiếu tá	Trưởng ban Khí tài Điện tử, Phòng Kỹ thuật, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1980	9/2001	Xã Cẩm Lĩnh, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
66.	Nguyễn Hồng Quân	Thiếu tá	Trợ lý chính trị, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 170, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1979	9/2001	Xã Nam Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
67.	Đỗ Xuân Chung	Thiếu tá	Phó Hải đội trưởng, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1980	9/2001	Xã Liêm Càn, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
68.	Trần Tăng Xuân	Thượng úy CN	Nhân viên Hàng hải, Tàu 472, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1979	3/1999	Xã Tam Cường, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
69.	Bùi Văn Vịnh	Thượng úy CN	Máy trưởng, Tàu 980, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1979	3/1999	Xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
70.	Tô Văn Biên	Trung úy CN	Nhân viên Điện tàu, Tàu 267, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1979	3/1999	Xã Cẩm La, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
71.	Vũ Duy Sâm	Trung úy CN	Nhân viên Cơ điện, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1979	3/1999	Xã Tây An, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
72.	Trần Văn Hoàn	Trung úy CN	Nhân viên Cơ điện, Tàu 476, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1981	3/1999	Xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên
73.	Nguyễn Văn Thuyên	Trung úy CN	Bếp trưởng, Hải đội 137, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1980	3/1999	Xã Hải Châu, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
74.	Trịnh Công Đức	Trung úy CN	Nhân viên Ra đa, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1980	3/1999	Xã Yên Phong, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình
75.	Dương Công Đắc	Trung úy CN	Nhân viên Báo vụ, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1980	3/1999	Xã Hoàng Hanh, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
76.	Lê Xuân Thủy	Trung úy CN	Nhân viên Thông tin, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1979	3/1999	Xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
77.	Nguyễn Ngọc Khánh	Thượng úy CN	Nhân viên Thông tin, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1980	3/1999	Xã Quảng Hợp, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
78.	Nguyễn Văn Hà	Trung úy CN	Nhân viên Ra đa, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1981	3/1999	Phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
79.	Phạm Đăng Cường	Đại úy	Phó Tiểu đoàn trưởng, Tiểu đoàn 151,	1981	9/1999	Xã Đà Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh

			Vùng 1, Quân chủng Hải quân			Nghe An
80.	Bùi Đức Tiến	Trung úy CN	Y sỹ, Tiểu đoàn 472, Lữ đoàn 147, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1981	02/2000	Xã Cao Minh, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
81.	Lê Minh Tân	Trung úy CN	Kỹ thuật viên, Trạm Điều khiển, Lữ đoàn 679, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1981	02/2000	Phường Quảng Yên, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh
82.	Trần Quốc Toàn	Thượng úy CN	Kỹ thuật viên, Trạm Kỹ thuật, Lữ đoàn 679, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1980	02/2000	Xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
83.	Trần Văn Lộc	Trung úy CN	Kỹ thuật viên, Trạm Kỹ thuật, Lữ đoàn 679, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1982	02/2000	Xã Thanh Tâm, huyện Thanh Liên, tỉnh Hà Nam
84.	Lê Ngọc Thuận	Trung úy CN	Đài trưởng, Trạm Thông tin Ra đa, Lữ đoàn 679, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1980	02/2000	Xã Nghĩa Hồng, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
85.	Lê Văn Ký	Trung úy	Trợ lý Quân nhu, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 679, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1981	02/2000	Xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa
86.	Hoàng Văn Việt	Thượng úy CN	Thủy thủ trưởng, Tàu 635, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1980	02/2000	Xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng
87.	Đinh Văn Ngọc	Thượng úy CN	Nhân viên, Tàu 635, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1980	02/2000	Xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
88.	Nguyễn Văn Cảnh	Trung úy CN	Nhân viên Nấu ăn, Hải đội 137, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1979	02/2000	Xã Giao Thịnh, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
89.	Lê Quốc Khánh	Trung úy CN	Thợ sửa chữa Ra đa, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1981	02/2000	Xã Đồng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
90.	Nguyễn Trọng Quyền	Trung úy CN	Trung đội trưởng Vệ binh, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1980	02/2000	Xã Hoàng Đan, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc
91.	Hoàng Anh Văn	Thượng úy CN	Nhân viên Cơ yếu, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1981	02/2000	Xã Việt Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
92.	Đỗ Hoàng Đức	Trung úy CN	Nhân viên Ra đa, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1981	02/2000	Xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
93.	Vũ Văn Duy	Trung úy CN	Nhân viên Ra đa, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1981	02/2000	Phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
94.	Nguyễn Thế Thủy	Trung úy CN	Nhân viên Báo vụ, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1981	02/2000	Xã Vinh Quang, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng
95.	Nguyễn Thị Hòa	Thượng úy CN	Thủ kho Dược, Bệnh xá 204, Phòng Hậu cần, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1980	9/2000	Xã Quảng Trường, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa

96.	Tô Duy Hiệp	Đại úy	Trợ lý, Tham mưu Kế hoạch, Phòng Kỹ thuật, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1982	9/2000	Xã Kênh Giang, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng
97.	Lê Bá Chiến	Đại úy	Trợ lý Bảo vệ, Phòng Chính trị, Lữ đoàn 170, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1982	9/2000	Xã Thụy Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
98.	Trương Công Định	Đại úy	Trạm trưởng, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1979	9/2000	Xã Thanh Quang, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
99.	Biện Việt Công	Đại úy	Trạm trưởng, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1981	9/2000	Xã Thịnh Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
100.	Nguyễn Viết Thận	Thượng úy	Trợ lý Tổ chức, Phòng Chính trị, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1983	10/2000	Xã Thạch Đài, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
101.	Trần Văn Bình	Thượng úy CN	Máy trưởng, Tàu 210, Hải đội 137, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1979	10/2000	Xã Thắng Thuỷ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
102.	Nguyễn Mạnh Cường	Trung úy CN	Nhân viên Tín hiệu, Tàu 266, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1982	02/2001	Xã Quang Thiện, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình
103.	Nguyễn Văn Tuyền	Trung úy CN	Nhân viên Kỹ thuật, Kho 708, Phòng Kỹ thuật, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1979	02/2001	Xã Gia Vượng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
104.	Lê Văn Thìn	Trung úy CN	Nhân viên, TA4, Phòng Kỹ thuật, Lữ đoàn 170, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1977	02/2001	Xã Bạch Sam, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
105.	Nguyễn Ngọc Diệp	Trung úy CN	Thủ kho, Phòng Kỹ thuật, Lữ đoàn 147, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1981	02/2001	Xã Bình Minh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa
106.	Trần Thanh Hà	Trung úy CN	Xạ thủ TLA 87, Tàu 267, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1981	02/2001	Xã Lý Thường Kiệt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
107.	Phan Thế Hoàng	Trung úy CN	Nhân viên, Kho Y, Hải đội 137, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1978	02/2001	Xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
108.	Ngô Thanh Bình	Trung úy CN	Nhân viên Báo vụ, Tàu 210, Hải đội 137, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1980	02/2001	Xã Phúc Thọ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
109.	Nguyễn Văn Đương	Trung úy CN	Nhân viên Báo vụ, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1981	02/2001	Thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An

2

110.	Đỗ Huy Tráng	Trung úy CN	Thợ sửa chữa Ra đa, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1982	02/2001	Xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
111.	Đinh Văn Hà	Trung úy CN	Nhân viên Thông tin, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1982	02/2001	Xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
112.	Trần Xuân Thuận	Trung úy CN	Nhân viên Quản lý, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1981	02/2001	Xã Gia Ninh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
113.	Trương Ngọc Mạnh	Trung úy CN	Nhân viên Ra đa, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1981	02/2001	Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
114.	Phạm Quốc Dũng	Trung úy CN	Nhân viên Quản lý, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1981	02/2001	Xã Hoảng Đạo, huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
115.	Nguyễn Thị My	Thượng úy CN	Nhân viên, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 147, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1977	6/2001	Xã Sơn Hồng, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
116.	Đào Thanh Tùng	Đại úy	Trợ lý Quân khí, Phòng Kỹ thuật, Lữ đoàn 170, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1982	9/2001	Xã Quảng Thái, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
117.	Nguyễn Trọng Tài	Đại úy	Chính trị viên, Trạm 495, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1982	9/2001	Xã Quỳnh Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
118.	Thiều Thị Thanh Hải	Thượng úy CN	Nhân viên, Ban Hành chính, Phòng Tham mưu, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1975	10/2001	Xã Liên Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
119.	Đỗ Thế Anh	Trung úy CN	Điện tàu, Tàu 356, Hải đội 135, Lữ đoàn 170, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1982	10/2001	Xã Yên Phú, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá
120.	Lã Văn Tùng	Trung úy CN	Lái xe, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1982	10/2001	Xã Yên Phong, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình
121.	Đặng Văn Ninh	Trung úy CN	Nhân viên Quản lý, Tiểu đoàn 473, Lữ đoàn 147, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1983	02/2002	Xã Hải Tây, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
122.	Nguyễn Việt Dũng	Trung úy CN	Nhân viên Quân khí, Tiểu đoàn 475, Lữ đoàn 147, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1983	02/2002	Xã Quang Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
123.	Hoàng Văn Chung	Trung úy CN	Tiểu đội trưởng Cảnh vệ, Phòng Tham mưu, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1982	3/2002	Xã Thụy Dân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

124.	Nguyễn Phúc Hoàng	Thiếu úy CN	Lái xe, Ban Hành chính, Phòng Tham mưu, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1983	3/2002	Xã Thụy Xuân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
125.	Trần Hoàng Thanh	Trung úy CN	Nhân viên Báo vụ, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 170, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1982	3/2002	Xã Kênh Giang, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
126.	Vũ Nam Du	Trung úy CN	Kỹ thuật viên, Trạm Kỹ thuật, Lữ đoàn 679, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1981	3/2002	Xã Hoàn Nha, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
127.	Nguyễn Văn Đô	Trung úy CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 679, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1981	3/2002	Xã Thụy Trình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
128.	Bùi Văn Hào	Trung úy CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 679, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1983	3/2002	Thị trấn Anh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An
129.	Phạm Ngọc Thắng	Trung úy CN	Nhân viên Cơ điện, Tàu 980, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1979	3/2002	Thị trấn Thanh Hà, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
130.	Đỗ Xuân Dương	Trung úy CN	Nhân viên Súng pháo, Tàu 439, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1982	3/2002	Xã An Đạo, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
131.	Đào Quốc Doanh	Trung úy CN	Nhân viên Máy tàu, Tàu 635, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1983	3/2002	Xã Hồng Phong, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
132.	Nguyễn Đình Quyết	Trung úy CN	Nhân viên Hàng hải, Tàu 635, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1982	3/2002	Xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng
133.	Hoàng Văn Cảnh	Trung úy CN	Nhân viên Súng pháo, Kho A, Hải đội 137, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1981	3/2002	Xã Hoàng Quang, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
134.	Đỗ Xuân Trường	Trung úy CN	Nhân viên, Tàu 266, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1983	3/2002	Xã Diễn Bích, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An
135.	Đỗ Thành Du	Trung úy CN	Nhân viên Ra đa, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1982	3/2002	Xã Yên Khánh, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
136.	Ngô Văn Đông	Trung úy CN	Nhân viên Điện, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1981	3/2002	Xã Đông Lâm, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
137.	Lê Hữu Dũng	Trung úy CN	Nhân viên Báo vụ, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1982	3/2002	Xã Hải Bình, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa
138.	Dương Xuân Hiếu	Trung úy CN	Nhân viên Báo vụ, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1981	3/2002	Xã Mai Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa
139.	Nguyễn Ngọc Tuấn	Đại úy	Trợ lý Xe máy, Phòng Kỹ thuật, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1983	9/2002	Xã Xuân Yên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh

140.	Nguyễn Văn Quang	Đại úy	Tiểu đoàn trưởng, Tiểu đoàn 476, Lữ đoàn 147, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1984	9/2002	Xã Hải Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
141.	Hoàng Công Hạnh	Thượng úy	Thuyền trưởng, Tàu 551, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1981	10/2002	Xã Tự Cường, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng
142.	Phùng Đình Định	Thượng úy	Thuyền trưởng, Tàu 211, Hải đội 137, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1983	10/2002	Xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
143.	Hà Văn Cường	Thượng úy CN	Thợ sửa chữa, Tiểu đoàn 45, Cục Hậu cần, Quân chủng Hải quân	1977	02/2001	Xã Nga Văn, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
144.	Vũ Thị Thu Hà	Đại úy CN	Nhân viên, Phân kho Tổng hợp, Kho 700, Cục Hậu cần, Quân chủng Hải quân	1975	10/2000	Xã Bình Minh, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
145.	Đỗ Hữu Hưng	Thiếu tá CN	Y sỹ, Bệnh xá, Phòng Hậu Cần, Lữ đoàn 171, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1977	3/2001	Xã Thuần Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
146.	Nguyễn Quang Cường	Đại úy CN	Nhân viên, Tàu KN265, Chi đội Kiểm ngư số 2, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1977	02/2001	Xã Đông Long, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình
147.	Phạm Văn Thắng	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Tham mưu, Lữ 171, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1977	02/2001	Xã Hoàng Đức, huyện Hoàng hóa, tỉnh Thanh Hóa
148.	Lê Thị Xuân	Đại úy CN	Nhân viên, Bệnh xá, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 171, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1974	4/2001	Xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
149.	Nguyễn Thị Thanh	Thiếu tá CN	Nhân viên, Bệnh xá, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 171, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1974	12/2001	Xã Sơn Mỹ, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
150.	Lâm Thiện Xuân	Thượng úy CN	Đại trưởng Báo vụ, Tàu 377, Lữ đoàn 167, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1977	3/2000	Xã Thụy Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
151.	Trần Đình Long	Đại úy CN	Nhân viên, Cảng vụ, Căn cứ 696, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1977	3/2001	Xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
152.	Lê Thanh Trâm	Đại úy	Trợ lý, Phòng Chính trị, Lữ đoàn 125, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1979	3/1999	Xã Thạch Mỹ, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh
153.	Nguyễn Bá Tân	Đại úy	Trợ lý Tuyên huấn, Lữ đoàn 681, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1980	02/2000	Xã Trí Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
154.	Phan Dũng Sỹ	Thượng úy CN	Nhân viên, Tàu KN 203, Chi đội Kiểm ngư số 2, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1979	02/2000	Xã Hải Hòa, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa
155.	Trương Quang Học	Trung úy CN	Nhân viên, Tàu KN 216, Chi đội Kiểm ngư số 2, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1980	02/2001	Xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình
156.	Dương Đình Sơn	Trung úy	Nhân viên, Tàu KN 204, Chi đội Kiểm ngư	1981	02/2001	Xã Thịnh Lộc, huyện Lộc Hà, tỉnh

		CN	số 2, Vùng 2, Quân chủng Hải quân			Hà Tĩnh
157.	Vũ Ngọc Hùng	Trung úy CN	Tiểu đội trưởng, Ngành 5, Tàu 09, Lữ đoàn 171, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1980	02/2001	Xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
158.	Phạm Văn Đồng	Thượng úy CN	Thủy thủ, Tàu 511, Hải đội 3, Lữ đoàn 125, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1982	02/2001	Xã Quảng Nham, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
159.	Hoàng Tuấn Vũ	Thượng úy CN	Tiểu đội trưởng, Tàu 378, Lữ đoàn 167, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1981	02/2001	Xã Hải Phong, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
160.	Nguyễn Thanh Miến	Trung úy CN	Nhân viên, Tàu 636, Hải đội 811, Lữ đoàn 125, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1981	02/2001	Xã Giao Tân, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
161.	Đào Thị Hằng	Thượng úy CN	Nhân viên, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 167, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1979	02/2001	Xã Lộc Yên, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh
162.	Đào Thị Hằng	Thượng úy CN	Nhân viên, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 167, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1979	3/2001	Xã Nguyên Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
163.	Nguyễn Trí Phong	Đại úy	Phó Đội trưởng, Chi đội Kiểm ngư số 2, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1982	9/2001	Xã Nguyên Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
164.	Lê Đức Thánh	Đại úy	Thuyền trưởng, Tàu 383, Lữ đoàn 167, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1983	9/2001	Xã Sơn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
165.	Nguyễn Văn Truyền	Trung úy CN	Nhân viên Ra đa, Trung đoàn 251, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1981	02/2002	Xã Thụy Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
166.	Vũ Đình Cường	Trung úy CN	Nhân viên, Tàu KN 210, Chi đội Kiểm ngư số 2, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1982	02/2002	Xã Quảng Hòa, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình
167.	Hà Văn Trịnh	Trung úy CN	Nhân viên, Ngành 7, Tàu 15, Lữ đoàn 171, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1981	3/2002	Xã Tân Việt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
168.	Lê Văn Minh	Trung úy CN	Nhân viên, Khung Dự trữ, Tiểu đoàn DK1, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1981	3/2002	Xã Thái Thọ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
169.	Hồ Văn Đồng	Trung úy CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 171, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1983	3/2002	Xã Trường Sơn, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
170.	Hoàng Văn Dương	Trung tá	Chính trị viên, Tiểu đoàn 353, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1975	3/2001	Xã Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên
171.	Trần Hoàng An	Thượng tá	Phó Chủ nhiệm Hậu cần, Phòng Hậu cần, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1972	3/2001	Phường Thạch Quý, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
172.	Đặng Thị Thu Hiền	Đại úy CN	Nhân viên Quân y, Phòng Tham mưu, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1976	5/1999	Xã Gia Phố, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh

173.	Phan Nguyên Duy	Thiếu tá	Chính trị viên phó, Hải đội 315, Lữ đoàn 172, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1978	10/2000	Xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
174.	Trần Văn Minh	Thiếu tá	Trưởng ban Xăng dầu, Phòng Hậu cần, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1978	9/2001	Xã Trung Giang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị
175.	Lê Hoàng Điệp	Thượng úy CN	Bộ trưởng, Tàu 354, Hải đội 132, Lữ đoàn 172, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1979	02/2001	Xã Thạch Môn, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
176.	Hoàng Văn Cường	Trung úy CN	Nhân viên Ra đa, Tàu 332, Hải đội 315, Lữ đoàn 172, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1979	3/1999	Xã Thụy Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
177.	Khổng Hữu Chiến	Thượng úy CN	Thợ Điện lưới, Tàu 863, Hải đội 314, Lữ đoàn 161, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1977	3/1999	Xã Phú Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
178.	Lương Hữu Anh	Thượng úy CN	Trắc thủ Ra đa, Đội Hỏa lực, Lữ đoàn 680, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1979	3/1999	Xã Tam Cương, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
179.	Ngô Trọng Hiếu	Đại úy	Thuyền trưởng, tàu KN 304, Chi đội Kiểm ngư số 3, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1980	3/1999	Xã Tùng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh
180.	Nguyễn Văn Định	Trung úy CN	Kỹ thuật viên Ra đa, Trạm 550, Trung đoàn 351, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1980	3/1999	Xã Cộng Hòa, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
181.	Nguyễn Văn Thành	Trung úy CN	Tiểu đội trưởng, Trung tâm Bảo đảm Kỹ thuật 354, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1979	3/1999	Xã Trung Hòa, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
182.	Trần Xuân Trường	Thượng úy CN	Máy trưởng, Tàu 863, Hải đội 314, Lữ đoàn 161, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1980	3/1999	Xã Thịnh Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
183.	Phạm Văn Thắng	Trung úy CN	Điện trưởng, Tàu 862, Hải đội 314, Lữ đoàn 161, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1979	02/2000	Xã Định Tân, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
184.	Trần Thanh Bình	Đại úy	Chính trị viên, Tàu 358, Hải đội 131, Lữ đoàn 172, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1981	02/2000	Xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
185.	Nguyễn Thị Thủy	Thượng úy CN	Nhân viên, Ban Chính trị, Trung đoàn 351, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1974	02/2001	Thị trấn Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
186.	Nguyễn Thanh Tài	Đại úy	Đại đội trưởng, Trung tâm Bảo đảm Kỹ thuật 354, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1983	9/2001	Xã An Bài, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
187.	Mai Trọng Ngọc	Trung úy CN	Nhân viên, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 161, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1982	02/2002	Xã Bình Khương, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi
188.	Nguyễn Ngọc Huân	Trung úy CN	Máy trưởng, Tàu 864, Hải đội 314, Lữ đoàn 161, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1982	3/2002	Xã Thụy Chính, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
189.	Nguyễn Quốc Khánh	Trung úy CN	Nhân viên, Tàu KN 362, Chi đội Kiểm ngư số 3, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1980	3/2002	Xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình

190.	Phan Thanh Hiền	Trung úy CN	Nhân viên, Tàu KN 390, Chi đội Kiểm ngư số 3, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1981	3/2002	Xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
191.	Đào Lê Nam	Đại úy	Trưởng Ngành 5, Hải đội 132, Lữ đoàn 172, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1983	9/2002	Xã Bắc Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình
192.	Mai Văn Cường	Thượng úy	Trưởng ban Quân y, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 172, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1983	9/2002	Xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
193.	Phạm Trọng Trinh	Đại úy	Trợ lý, Ban Tham mưu, Trung đoàn 351, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1982	9/2002	Xã Nga Hải, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
194.	Phạm Văn Nam	Đại úy	Trợ lý, Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 351, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1983	9/2002	Xã Tế Nông, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
195.	Phan Văn Trung	Đại úy	Trợ lý, Ban Tham mưu, Trung đoàn 351, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1983	9/2002	Xã Thọ Thế, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
196.	Nguyễn Văn Bình	Thượng úy CN	Quản lý, đảo Sơn Ca, Lữ đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1975	9/2001	Xã Hoàng Hợp, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
197.	Đặng Văn Pho	Thượng úy CN	Nhân viên, đảo An Bang, Lữ đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1975	02/1999	Xã Mỹ Đức, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng
198.	Nguyễn Phú Tế	Thượng úy CN	Báo vụ, đảo Trường Sa, Lữ đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1976	02/1999	Xã Đông Lĩnh, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
199.	Hồ Văn Dương	Thượng úy CN	Nhân viên, Tiểu đoàn 452, Lữ đoàn 957, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1975	3/2000	Xã Khánh Cường, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
200.	Nguyễn Viết Toàn	Thượng úy	Bác sỹ, Ban Quân y, Phòng Hậu cần, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1976	3/2000	Xã Quỳnh Văn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
201.	Võ Thế Phương	Thượng úy CN	Nhân viên, Tiểu đoàn 3, Lữ đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1975	3/2000	Xã Thạch Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình
202.	Nguyễn Đại Chính	Đại úy CN	Nhân viên, Đại đội 13, Phòng Kỹ thuật, Lữ đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1976	3/2001	Xã Cẩm Nhượng, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh
203.	Lương Văn Phương	Thiếu tá	Thuyền trưởng, Tàu 791, Hải đội 413, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1978	9/2001	Xã Thạch Bằng, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
204.	Lê Ngọc Hà	Thượng úy CN	Thủy thủ trưởng, Tàu 697, Hải đội 413, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1978	02/2001	Xã Kênh Giang, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
205.	Vũ Đình Minh	Thượng úy CN	Trắc thủ Ra đa, Trạm 560, Trung đoàn 451, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1978	02/2001	Xã Thụy Bình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
206.	Bùi Văn An	Thượng	Nhân viên, Đại đội 13, Phòng Kỹ thuật, Lữ	1975	4/2001	Xã Nghi Lâm, huyện Nghi Lộc,

		úy CN	đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân			tỉnh Nghệ An
207.	Lê Hải Bằng	Thiếu tá	Chính trị viên, Cụm 1, đảo Sơn Ca, Lữ đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1979	9/2001	Thị trấn Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
208.	Ngô Gia Thế	Thiếu tá	Phó Tiểu đoàn trưởng, Tiểu đoàn 864, Lữ đoàn 957, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1979	9/2001	Xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
209.	Đỗ Đức Nam	Thiếu tá	Cán bộ, Tiểu đoàn 3, Lữ đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1980	3/1999	Xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
210.	Đỗ Ngọc Giáp	Trung úy CN	Nhân viên, Đại đội 2, Tiểu đoàn 458, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1980	3/1999	Xã Vũ Hội, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
211.	Khuất Duy Thanh	Thượng úy CN	Trưởng xe Tăng, Tiểu đoàn 862, Lữ đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1979	3/1999	Xã Quảng Bình, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
212.	Lê Quang Hiếu	Thượng úy CN	Báo vụ, Tàu 276, Lữ đoàn 162, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1979	3/1999	Xã Trạch Mỹ Lộc, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
213.	Lê Văn Chân	Trung úy CN	Nhân viên Máy, Tàu 524, Hải đội 413, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1980	3/1999	Xã Sơn Phúc, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
214.	Phan Văn Châu	Trung úy CN	Báo vụ, Đại đội 1, Tiểu đoàn 455, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1978	3/1999	Xã Quảng Đức, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
215.	Trần Bá Việt	Thiếu tá	Chỉ huy trưởng, đảo Núi Le, Lữ đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1981	9/1999	Xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
216.	Lê Doãn Duẩn	Trung úy CN	Nhân viên, Phòng Kỹ thuật, Lữ đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1979	02/2000	Xã Sơn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
217.	Trần Xuân Chính	Trung úy CN	Kỹ thuật viên, Phân đội Hòa lực, Lữ đoàn 685, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1979	02/2000	Xã Quảng Hùng, huyện Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa
218.	Hoàng Vũ Hiệp	Trung úy CN	Thủy thủ, Tàu 639, Hải đội 413, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1980	02/2001	Xã Cẩm Phong, Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa
219.	Phạm Như Thành	Trung úy CN	Tiểu đội phó, Ngành 5, Lữ đoàn 162, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1982	02/2001	Xã Diễn Hoàng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
220.	Hồ Sỹ Ngại	Đại úy	Thuyền trưởng, Tàu Trường Sa 12, Hải đội 411, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1981	9/2001	Phường Vũ Chính, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
221.	Nguyễn Duy Trinh	Đại úy	Trợ lý Tác chiến, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 162, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1982	9/2001	Xã Đức Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
222.	Nguyễn Văn Hiếu	Đại úy	Thuyền trưởng, Tàu 373, Lữ đoàn 162, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1982	9/2001	Xã Nhật Tựu, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

223.	Nguyễn Thị Thu Hương	Trung úy CN	Nhân viên, Tiểu đoàn 454, Lữ đoàn 957, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1974	02/2002	Xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
224.	Trần Tiến Sơn	Đại úy	Trợ lý Quân lực, Phòng tham mưu, Lữ đoàn 685, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1982	02/2002	Xã Hồng Châu, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
225.	Bùi Duy Tô	Trung úy CN	Nhân viên, Kho Vũ khí đạn, Kho trạm 719, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1983	3/2002	Xã Nghi Lâm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
226.	Nguyễn Văn Thảo	Trung úy CN	Lái xe, Đại đội 12, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1983	3/2002	Xã An Thắng, huyện An Lão, tỉnh Hải Phòng
227.	Phan Thanh Đức	Trung úy CN	Nhân viên, Trạm 42, Kho trạm 719, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1981	3/2002	Xã Thiệu viên, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
228.	Trần Hoài Nam	Đại úy	Trợ lý, Ban Khí tài Điện tử, Phòng Kỹ thuật, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1983	9/2002	Xã Hoàn Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình
229.	Hồ Thế Tùng	Đại úy	Giám đốc, Trung tâm Tiêu tử, Phòng Kỹ thuật, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1983	9/2002	Xã Chân Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
230.	Bùi Thị Bé	Thượng úy CN	Hộ lý, Đội điều trị 486, Phòng Hậu cần, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1983	9/2002	Xã Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
231.	Đặng Văn Dũng	Đại úy	Trợ lý, đảo Nam Yết, Lữ đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1983	9/2002	Xã Quảng Tân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
232.	Đoàn Văn Hiệp	Đại úy	Phó Thuyền trưởng, Tàu 371, Lữ đoàn 162, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1984	9/2002	Xã Hải Phương, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
233.	Bùi Thế Vũ	Đại úy	Thuyền trưởng, Tàu 524, Hải đội 413, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1984	10/2002	Xã Cộng Hòa, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
234.	Lê Văn Sáng	Thượng úy	Trợ lý, Phòng Chính trị, Lữ đoàn 957, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1982	10/2002	Xã Mỹ Phúc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định
235.	Nguyễn Văn Hóa	Trung úy CN	Nhân viên, Kho trạm 719, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1982	10/2002	Xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa

22

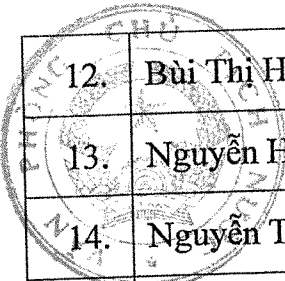
236.	Phạm Đình Sáng	Trung úy CN	Nhân viên, Đại đội 2, Tiểu đoàn 458, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1983	10/2002	Xã Quảng Trung, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình
237.	Nguyễn Hồng Phong	Thiếu tá CN	Thợ sửa chữa, Xưởng 58, Phòng Kỹ thuật, Vùng 5, Quân chủng Hải quân	1970	3/2001	Xã Quảng Lộc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
238.	Lê Thị Oanh	Đại úy CN	Nhân viên, Đội điều trị 78, Phòng Hậu cần, Vùng 5, Quân chủng Hải quân	1976	6/2000	Xã Quảng Hưng, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình
239.	Nguyễn Tiến Thắng	Đại úy CN	Thợ hàn, Xưởng 58, Phòng Kỹ thuật, Vùng 5, Quân chủng Hải quân	1975	5/2001	Xã Hoàng Thịnh, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
240.	Võ Thị Hồng Hạnh	Đại úy CN	Y tá, Ban dược, Đội điều trị 78, Phòng Hậu cần, Vùng 5, Quân chủng Hải quân	1977	7/2001	Xã Đông Tân, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
241.	Lê Văn Hùng	Trung úy CN	Y sĩ, Ban ngoại, Đội điều trị 78, Phòng Hậu cần, Vùng 5, Quân chủng Hải quân	1978	3/1999	Xã Nghi Hương, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An
242.	Mai Thị Thuận	Thượng úy CN	Quản lý, Ban Hành chính, Phòng Tham mưu, Vùng 5, Quân chủng Hải quân	1976	02/2000	Xã Thanh Lâm, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
243.	Đỗ Xuân Luật	Trung úy CN	Thủ kho, Kho 700A, Phòng Kỹ thuật, Vùng 5, Quân chủng Hải quân	1981	02/2000	Xã Nga Trung, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
244.	Nguyễn Thị Hương	Thượng úy CN	Y tá, Đại đội 84, Tiểu đoàn 553, Vùng 5, Quân chủng Hải quân	1981	7/2000	Xã Vũ Bản, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
245.	Nguyễn Thị Thùy Hạnh	Thượng úy CN	Quản lý, Tiểu đoàn 553, Vùng 5, Quân chủng Hải quân	1974	7/2000	Xã Quảng Hợp, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
246.	Phạm Thị Duyên	Thượng úy CN	Nhân viên, Đại đội 29, Phòng Tham mưu, Vùng 5, Quân chủng Hải quân	1975	11/2000	Xã Hoàng Hợp, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
247.	Đậu Đình Thành	Trung úy CN	Bảo quản viên, Kho 700A, Phòng Kỹ thuật, Vùng 5, Quân chủng Hải quân	1981	02/2001	Xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình
248.	Phạm Thị Thơm	Thượng úy CN	Nuôi dạy trẻ, Phòng Chính trị, Vùng 5, Quân chủng Hải quân	1979	6/2001	Xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
249.	Trịnh Minh Hoà	Đại úy	Đội phó, Đội điều trị 78, Phòng Hậu cần, Vùng 5, Quân chủng Hải quân	1983	9/2001	Xã Quảng Hưng, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình
250.	Lê Văn Hình	Trung úy CN	Lái xe, Đội xe con, Phòng Tham mưu, Vùng 5, Quân chủng Hải quân	1983	3/2002	Thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang
251.	Nguyễn Khắc Hùng	Trung úy CN	Y sĩ, Ban Hành chính, Phòng Tham mưu, Vùng 5, Quân chủng Hải quân	1978	3/2002	Xã Cẩm Lạc, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh

252.	Lê Văn Quốc	Trung úy CN	Lái xe, Xưởng 58, Phòng Kỹ thuật, Vùng 5, Quân chủng Hải quân	1983	3/2002	Xã Thượng Lâm, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
253.	Trần Hữu Cường	Trung úy CN	Nhân viên, Tàu 637, Hải đội 512, Lữ đoàn 127, Vùng 5, Quân chủng Hải quân	1981	3/2002	Xã Thạch Bình, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
254.	Nguyễn Thị Hương	Thượng úy CN	Quản lý Nhà Khách, Phòng Tham mưu, Vùng 5, Quân chủng Hải quân	1977	6/2002	Xã Thạch Bình, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
255.	Nguyễn Công Đoàn	Thiếu tá	Trợ lý Tham mưu, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 126, Quân chủng Hải quân	1975	5/1999	Xã Nghĩa Lâm, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
256.	Nguyễn Ngọc Đạt	Thượng úy CN	Tổ trưởng, Đội 8, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 126, Quân chủng Hải quân	1980	3/1999	Xã Kiên Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
257.	Nguyễn Quang Long	Trung úy CN	Chiến đấu viên, Đội 8, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 126, Quân chủng Hải quân	1980	3/1999	Xã Quảng Lợi, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
258.	Trương Bá Hùng	Trung úy CN	Tổ trưởng Đội 8, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 126, Quân chủng Hải quân	1980	3/1999	Xã Thụy Việt, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
259.	Nguyễn Văn Hương	Trung úy CN	Tổ trưởng Đội 8, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 126, Quân chủng Hải quân	1983	3/2002	Xã Minh Thọ, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
260.	Nguyễn Mạnh Hùng	Đại úy	Đội trưởng Đội 3, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 126, Quân chủng Hải quân	1984	9/2002	Xã Quảng Bị, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
261.	Lê Văn Tuyển	Đại úy CN	Thợ sửa chữa Cơ tăng, Nhà máy Z753, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân	1976	02/1999	Xã Tân Dân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa
262.	Vũ Văn Dũng	Đại úy CN	Thợ sửa chữa Cơ tăng, Nhà máy Z753, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân	1977	02/1999	Xã Vinh Quang, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng
263.	Nguyễn Văn Hưng	Thượng úy CN	Nhân viên, Cầu 9102, Nhà máy X52, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân	1979	3/1999	Xã Kiến Thiết, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng
264.	Nguyễn Mạnh Cường	Trung úy CN	Nhân viên, Xưởng Vũ khí, Nhà máy X52, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân	1980	02/2000	Xã Giao Hương, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
265.	Đặng Văn Quyết	Trung úy CN	Nhân viên, Phân xưởng Vó tàu, Nhà máy X48, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân	1981	02/2001	Xã Cấp Tiến, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng
266.	Đinh Quang Tùng	Trung úy CN	Thợ sửa chữa, Trạm sửa chữa, Kho 862, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân	1980	02/2001	Xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
267.	Lê Duy Khánh	Trung úy CN	Nhân viên, Xưởng Đà dốc, Nhà máy X52, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân	1982	02/2001	Thị trấn Hàng Trạm, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

268.	Mai Đình Hợp	Trung úy CN	Nhân viên, Xưởng Cơ điện, Nhà máy X52, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân	1980	02/2001	Xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị
269.	Nguyễn Sỹ Hào	Trung úy CN	Nhân viên, Xưởng Cơ điện, Nhà máy X52, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân	1980	02/2001	Xã Quảng Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
270.	Nguyễn Kiêm Quân	Đại úy	Trợ lý, Phòng Kỹ thuật Hàng không, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân	1981	9/2001	Xã Thanh Dương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
271.	Trần Thị Thảo	Đại úy CN	Nhân viên, Phòng Tài chính, Nhà máy X46, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân	1975	12/2001	Xã Tân Quang, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
272.	Hà Tùng Lâm	Trung úy CN	Lái xe, Đội xe, Nhà máy X46, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân	1975	12/2001	Xã Quảng Nham, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
273.	Phạm Văn Dân	Trung úy CN	Nhân viên, Xưởng Vũ khí, Nhà máy X52, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân	1983	02/2002	Xã Đông Hòa, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
274.	Phan Thị Điền	Thượng úy CN	Thủ kho, Kho 714, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân	1972	7/2002	Xã Thanh Thủy, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
275.	Đinh Xuân Hưng	Thượng úy CN	Máy trưởng, Tàu 831, Trung đoàn 196, Quân chủng Hải quân	1982	02/2001	Xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị
276.	Trịnh Xuân Tịnh	Thượng úy CN	Lái xe, Ban Hành chính, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 954, Quân chủng Hải quân	1976	3/2001	Xã Gia Lạc, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
277.	Nguyễn Văn Toàn	Trung úy CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Trung đoàn 196, Quân chủng Hải quân	1978	3/2002	Xã Mai Phụ, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh
278.	Hoàng Thị Sâm	Đại úy CN	Nhân viên Thống kê, Ban Tham mưu - Kế hoạch, Kho 710, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân	1977	9/2002	Xã Thái Tuy, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
279.	Nguyễn Thị Phượng	Thượng úy CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho 710, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân	1980	12/2002	Xã Yên Khánh, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
280.	Nguyễn Hoài Thanh	Thượng úy	Thuyền phó, Tàu 832, Trung đoàn 196, Quân chủng Hải quân	1983	3/2002	Xã Giao Lâm, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
281.	Nguyễn Văn Sáu	Trung úy CN	Thuyền trưởng, Đội 795, Trung đoàn 196, Quân chủng Hải quân	1983	3/2002	Xã Thụy Trình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

III. HUY CHƯƠNG CHIẾN SĨ VẼ VANG HẠNG BA:

TT	Họ và tên	Cấp bậc	Chức vụ, đơn vị	Năm sinh	Nhập ngũ	Quê quán
1.	Nguyễn Đình Đông	Đại úy	Trợ lý, Xưởng sửa chữa vũ khí, Nhà máy X56, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân	1982	9/2003	Xã Tiên Nội, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
2.	Phạm Thế Toán	Thiếu tá	Quản đốc, Phân xưởng Đà đốc, Nhà máy X46, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân	1975	2/2005	Xã Tân Việt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
3.	Nguyễn Thị Phương Thảo	Thượng úy CN	Nhân viên, Phòng Tài chính, Nhà máy X46, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân	1980	5/2005	Xã Hoàng Đạo, huyện Hoàng Hóa, Thanh Hóa
4.	Đinh Văn Châu	Thượng úy	Phụ trách, Xưởng Vận chuyển, Nhà máy X52, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân	1985	09/2005	Xã Đức Châu, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
5.	Nguyễn Văn Kết	Thượng úy	Trợ lý, Phòng Kỹ thuật – Vật tư, Nhà máy X48, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân	1984	9/2005	Xã Quảng Lưu, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
6.	Đào Xuân Trúc	Thiếu úy CN	Nhân viên Đà đốc, Nhà máy X52, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân	1987	10/2005	Xã Nga Lĩnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
7.	Bùi Tiến Dũng	Trung úy CN	Nhân viên Cơ điện, Nhà máy X52, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân	1985	02/2006	Xã Đông Tân, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
8.	Nguyễn Văn Hòa	Trung úy CN	Nhân viên, Nhà máy X52, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân	1985	02/2006	Xã Lý Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
9.	Nguyễn Thị Thu Trang	Trung úy CN	Nhân viên Kiểm định, Nhà máy X46, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân	1984	3/2006	Phường Văn Miếu, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
10.	Trần Trung Hiếu	Thượng úy	Trợ lý, Ban Chính trị, Kho 710, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân	1987	9/2006	Xã Hoàng Đạo, huyện Hoàng hóa, tỉnh Thanh Hóa
11.	Nguyễn Anh Dũng	Trung úy CN	Nhân viên, Xưởng vận chuyển, Nhà máy X52, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân	1988	10/2006	Xã Tuy Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa



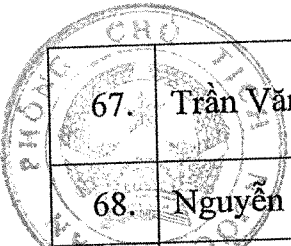
12.	Bùi Thị Hương	Trung úy CN	Bếp trưởng, Trung tâm TC Đo lường 3, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân	1974	6/2007	Xã Yên Ninh, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
13.	Nguyễn Hải Yến	Trung úy CN	Thủ kho đạn, Đội Bảo quản, Kho 858, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân	1985	6/2007	Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
14.	Nguyễn Thanh Thủy	Trung úy CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho 703, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân	1985	6/2007	Xã Minh Khai, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
15.	Nguyễn Thị Hằng	Thiếu úy CN	Thủ kho Vật tư, Đội Vật tư, Kho 858, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân	1981	6/2007	Xã Lê Hồ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam
16.	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Trung úy CN	Thủ kho Đạn, Đội Bảo quản, Kho 858, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân	1981	6/2007	Xã Tảo Dương Văn, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
17.	Trần Phương Thúy	Trung úy CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho 710, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân	1978	6/2007	Xã Hưng Châu, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
18.	Vũ Thị Đàm	Trung úy CN	Thủ kho Đạn, Đội Bảo quản, Kho 858, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân	1984	6/2007	Xã Quang Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
19.	Bùi Thị Hải Yến	Trung úy CN	Nhân viên, Tiểu đoàn 5, Học viện Hải quân, Quân chủng Hải quân	1984	01/2005	Xã Thọ Thế, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
20.	Đặng Quốc Huy	Trung úy CN	Nhân viên, Tàu 286, Hải đội 9, Trung tâm HLTH & HLKT, Học viện Hải quân, Quân chủng Hải quân	1984	10/2005	Xã Minh Khai, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
21.	Hồ Thủy Vân	Trung úy CN	Nhân viên, Phòng Đào tạo, Học viện Hải quân, Quân chủng Hải quân	1983	01/2005	Xã Mộc Nam, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
22.	Đoàn Văn Sáng	Đại úy	Giảng viên, Khoa Thông tin Ra đũa, Học viện Hải quân, Quân chủng Hải quân	1988	9/2006	Xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
23.	Phạm Thị Thu Hương	Đại úy	Giảng viên, Khoa Lý luận Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Học viện Hải quân, Quân chủng Hải quân	1981	7/2006	Xã Hoàng Nam, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
24.	Phạm Thị Phương	Trung úy CN	Nhân viên, Tiểu đoàn 1, Học viện Hải quân, Quân chủng Hải quân	1981	3/2007	Xã Tân Việt, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

25.	Trần Hoàng Minh	Trung úy	Trợ lý, Phòng Kỹ thuật, Học viện Hải quân, Quân chủng Hải quân	1987	3/2007	Xã Việt Chu, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng
26.	Trần Thị Hảo	CNVQP	Nhân viên, Hệ 2, Học viện Hải quân, Quân chủng Hải quân	1975	3/2007	Xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
27.	Phạm Văn Chung	Thượng úy	Giảng viên, Khoa Thông tin Ra đa, Học viện Hải quân, Quân chủng Hải quân	1989	9/2007	Xã Hải Phú, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị
28.	Thắm Thanh Long	Trung úy	Phó Thuyền trưởng, Tàu 709, Trung tâm HLTH & HLKT, Học viện Hải quân, Quân chủng Hải quân	1988	3/2007	Xã Tây Giang, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình
29.	Nguyễn Văn Nhiệm	Trung úy	Thuyền trưởng, Tàu 713, Trung tâm HLTH & HLKT, Học viện Hải quân, Quân chủng Hải quân	1988	3/2007	Xã Hải Nam, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
30.	Trần Thị Hải	Thượng úy CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần, Học viện Hải quân, Quân chủng Hải quân	1970	3/2007	Xã Thụy Lương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
31.	Trần Hạnh Thu	Trung úy CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần, Học viện Hải quân, Quân chủng Hải quân	1982	12/2007	Xã Cẩm Vịnh, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh
32.	Mai Thị Hương Giang	Đại úy CN	Phóng viên, Báo Hải quân Việt Nam, Cục Chính trị, Quân chủng Hải quân	1983	12/2007	Xã Thủy Đường, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
33.	Nguyễn Thùy Liên	Đại úy CN	Phóng viên, Báo Hải quân Việt Nam, Cục Chính trị, Quân chủng Hải quân	1983	12/2007	Xã Bột Xuyên, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
34.	Dương Tuấn Anh	Trung úy	Cán bộ Kiểm sát, Viện KSQS Khu vực II, Cục Chính trị, Quân chủng Hải quân	1989	9/2007	Thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc
35.	Lê Văn Độ	Đại úy	Trợ lý, Phòng Chính trị, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1983	2/2002	Phường Vũ Chính, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
36.	Nguyễn Thanh Tùng	Đại úy	Đại đội trưởng, Đại đội 12, Tiểu đoàn 884, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1981	2/2002	Xã Thủy Triều, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
37.	Đại Quang Trung	Đại úy	Trợ lý Thi công, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1984	8/2002	Xã Đông Xuân, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
38.	Nguyễn Công Hứa	Thượng úy CN	Trợ lý Hậu cần, Tiểu đoàn 883, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1983	9/2002	Xã Thống Kênh, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
39.	Trần Văn Huy	Trung	Y sĩ, Phòng Hậu cần,	1983	9/2003	Xã Văn Tự, huyện Thường Tín,

		úy CN	Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân			thành phố Hà Nội
40.	Vũ Tiến Vĩnh	Thượng úy CN	Trung đội trưởng, Đại đội 12, Tiểu đoàn 884, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1979	9/2004	Xã Thành Yên, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa
41.	Vũ Trí Thành	Trung úy CN	Thợ vận hành máy, Đại đội 6, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1985	9/2004	Xã Trục Cường, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định
42.	Đào Xuân Sang	Trung úy CN	Nhân viên thống kê, Tiểu đoàn 883, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1986	9/2004	Xã Nga Thiện, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
43.	Hoàng Ngọc Quyết	Trung úy CN	Lái xe, Tiểu đoàn 881, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1983	9/2004	Xã Giao Thịnh, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
44.	Phạm Văn Trung	Trung úy CN	Lái xe, Tiểu đoàn 881, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1982	9/2004	Xã Hoàng Thượng, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
45.	Mai Đình Thành	Trung úy CN	Nhân viên Đo đạc, Tiểu đoàn 881, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1985	9/2005	Xã Hoàng Hanh, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
46.	Nguyễn Văn Hành	Thượng úy	Trợ lý Quân lực, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1987	2/2006	Thị trấn Quất Lâm, huyện giao Thủy, tỉnh Nam Định
47.	Nguyễn Duy Vũ	Trung úy CN	Nhân viên Điện nước, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1984	2/2006	Xã Giao Thịnh, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
48.	Phạm Xuân Định	Thượng úy	Trợ lý Thi công, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1987	9/2006	Xã Thống Nhất, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
49.	Phạm Văn Thuận	Trung úy CN	Lái Máy húc, Đại đội 6 Vượt sông, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1986	9/2006	Xã Giao Thịnh, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
50.	Nguyễn Văn Tú	Trung úy	Trung đội trưởng, Đại đội 1, Tiểu đoàn 881, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1987	9/2006	Xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
51.	Vũ Văn Thế	Trung úy CN	Thợ hàn, Tiểu đoàn 881, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1982	9/2006	Xã Trà Giang, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
52.	Nguyễn Văn Trung	Thượng úy	Trợ lý Thi công, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1989	02/2007	Xã Nam Thắng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
53.	Nguyễn Trung Kiên	Trung úy CN	Lái xe, Đại đội 6 Vượt sông, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1987	02/2007	Xã Gia Tân, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
54.	Trần Đức Việt	Thượng úy	Trung đội trưởng, Tiểu đoàn 883, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1988	9/2007	Xã Tiên Thắng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng

55.	Phạm Đức Thọ	Trung úy CN	Thợ máy, Tiểu đoàn 883, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1983	9/2007	Phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
56.	Phạm Trung Dũng	Thượng úy	Trung đội trưởng, Đại đội 1, Tiểu đoàn 881, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1988	9/2007	Xa Bùi Xá, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
57.	Vũ Mạnh Đạt	Thượng úy	Trợ lý Tham mưu, Tiểu đoàn 881, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1988	9/2007	Xã Kiến Thiết, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng
58.	Trần Đại	Trung úy CN	Nhân viên Doanh trại, Tiểu đoàn 881, Lữ đoàn 131, Quân chủng Hải quân	1986	9/2007	Xã Trung Khê, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh
59.	Bùi Đức Thịnh	Trung úy CN	Nhân viên Sô na, Tàu 186, Lữ đoàn 189, Quân chủng Hải quân	1986	10/2007	Xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
60.	Bùi Đức Thiện	Thượng úy	Trợ lý Cơ yếu, Ban Cơ yếu, Phòng Tham mưu, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1984	02/2003	Xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
61.	Đặng Văn Việt	Trung úy CN	Nhân viên Thống kê, Kho 708, Phòng Kỹ thuật, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1984	02/2003	Thị trấn An Dương, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng
62.	Nguyễn Quốc Hội	Trung úy	Phó Thuyền trưởng, Tàu 203, Hải đội 7, Lữ đoàn 170, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1983	02/2003	Xã Hiệp Hòa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
63.	Nguyễn Đình Long	Trung úy CN	Nhân viên Quản lý, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1984	02/2003	Xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa
64.	Nguyễn Đức Anh	Đại úy	Phó Trạm trưởng, Trạm A1, Phòng Kỹ thuật, Lữ đoàn 170, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1985	9/2003	Xã Vũ Vân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
65.	Nguyễn Danh Ngọc	Đại úy	Trạm trưởng, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1984	9/2003	Xã Nam Cao, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
66.	Lê Như Đức	Trung úy CN	Nhân viên Ra đă, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1984	10/2003	Xã Tam Đa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng

2

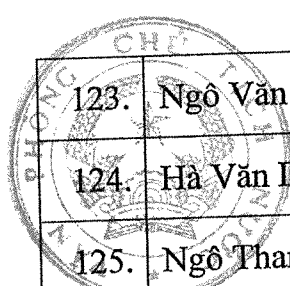


67.	Trần Văn Đức	Trung úy CN	Nhân viên, Trung đội 1, Đại đội 15, Phòng Tham mưu, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1983	02/2004	Xã Giao An, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
68.	Nguyễn Khắc Tiếp	Trung úy CN	Kỹ thuật viên, Trạm Điều khiển, Lữ đoàn 679, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1985	02/2004	Phường Trại Cau, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
69.	Lê Thành Long	Trung úy CN	Kỹ thuật viên, Trạm Điều khiển, Lữ đoàn 679, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1985	02/2004	Xã Đông Minh, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
70.	Phạm Quang Vũ	Trung úy CN	Nhân viên Điện, Tàu 474, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1985	02/2004	Xã Thanh Thủy, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
71.	Phạm Thanh Tùng	Trung úy CN	Nhân viên Cơ điện, Tàu 438, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1984	02/2004	Xã Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
72.	Nguyễn Văn Hùng	Trung úy CN	Nhân viên Pháo tàu, Tàu 266, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1985	02/2004	Xã Việt Hồng, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
73.	Phạm Đức Phương	Trung úy CN	Xạ thủ súng 14,5 ly, Tàu 267, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1984	02/2004	Xã Diễn Hạnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
74.	Lê Văn Bun	Trung úy CN	Nhân viên Báo vụ, Tàu 267, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1985	02/2004	Xã An Lương, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
75.	Nguyễn Kim Tuấn	Trung úy CN	Nhân viên Quân y, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1984	02/2004	Thị trấn Thanh Nê, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
76.	Nguyễn Văn Phương	Trung úy CN	Nhân viên Quân y, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1984	02/2004	Xã Nam Chính, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
77.	Hoàng Văn Lượng	Thượng úy	Nghiệp vụ trưởng, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 170, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1987	9/2004	Xã Ngọc Vũng, huyện Văn Đồn, tỉnh Quảng Ninh
78.	Trương Thế Mạnh	Thượng úy	Trợ lý, Đại đội 1, Tiểu đoàn 471, Lữ đoàn 147, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1985	9/2004	Xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
79.	Vũ Văn Hùng	Đại úy	Đại đội trưởng, Đại đội 4, Tiểu đoàn 473, Lữ đoàn 147, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1984	9/2004	Xã Nhân Hòa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
80.	Phạm Thanh Tùng	Thượng úy	Đại đội trưởng, Đại đội 2, Tiểu đoàn 473, Lữ đoàn 147, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1985	9/2004	Xã Thụy Hồng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

81.	Đỗ Đức Thịnh	Đại úy	Trạm trưởng, Trạm Kỹ thuật, Lữ đoàn 679, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1987	9/2004	Xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa
82.	Nguyễn Văn Phương	Đại úy	Phó Trạm trưởng, Trạm Thông tin Ra đa, Lữ đoàn 679, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1985	9/2004	Xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
83.	Nguyễn Khắc Trọng	Thượng úy	Phó Đội trưởng Quân sự, Đội Hỏa lực, Lữ đoàn 679, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1984	9/2004	Phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
84.	Nguyễn Văn Toàn	Trung úy CN	Nhân viên, Trạm Thông tin Ra đa, Lữ đoàn 679, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1984	02/2005	Xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa
85.	Nguyễn Văn Chinh	Trung úy CN	Nhân viên Báo vụ, Trạm Thông tin Ra đa, Lữ đoàn 679, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1986	02/2005	Xã Hiệp Hòa, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
86.	Nguyễn Hữu Chung	Trung úy CN	Nhân viên, Trạm Thông tin Ra đa, Lữ đoàn 679, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1984	02/2005	Xã Phúc Thọ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
87.	Đặng Đình Thành	Thượng úy	Trạm trưởng, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1985	02/2005	Xã Minh Tiến, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
88.	Nguyễn Văn Thành	Trung úy CN	Thợ sửa chữa Ra đa, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1985	02/2005	Xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình
89.	Lê Xuân Quảng	Trung úy CN	Nhân viên Ra đa, Tiểu đoàn 151, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1985	02/2005	Xã Thiên Hương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
90.	Bùi Đình Phan	Thượng úy	Trung đội trưởng, Trung đội 2, Đại đội 1, Tiểu đoàn 158, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1986	02/2005	Xã Quảng Lưu, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
91.	Tạ Thành Đông	Đại úy	Phó Hải đội trưởng, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1980	7/2005	Xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
92.	Nguyễn Thị Sen	Trung úy CN	Nhân viên, Nhà Văn hoá, Phòng Chính trị, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1983	9/2005	Xã Thanh Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh
93.	Mai Thanh Tùng	Đại úy	Đại đội trưởng, Đại đội 1, Tiểu đoàn 473, Lữ đoàn 147, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1986	9/2005	Xã Nam Hòa, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh
94.	Lê Thị Hoa Mai	Trung úy CN	Nhân viên Nấu ăn, Hải đội 137, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1985	9/2005	Xã Tây Giang, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình

95.	Nguyễn Văn Dũng	Thượng úy	Trạm trưởng, Trạm Sửa chữa Tổng hợp, Hải đội 137, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1985	9/2005	Xã Xuân Phổ, huyện Nghi Xuân, tỉnh Nghệ An
96.	Vũ Văn Tuấn	Trung úy CN	Nhân viên Điện, Hải đội 135, Lữ đoàn 170, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1984	10/2005	Phường Lương Khánh Thiện, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
97.	Lương Thị Thuý Hằng	Trung úy CN	Nhân viên Nấu ăn, Hải đội 137, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1980	01/2006	Xã Đức Chính, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
98.	Dương Văn Thành	Trung úy CN	Nghiệp vụ Pháo tàu, Tàu 306, Hải đội 135, Lữ đoàn 170, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1986	02/2006	Xã Sơn Bằng, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
99.	Mai Duy Hòa	Trung úy CN	Kỹ thuật viên, Trạm Điều khiển, Lữ đoàn 679, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1985	10/2004	Xã Quảng Hợp, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá
100.	Nguyễn Quyết Tiến	Trung úy CN	Kỹ thuật viên, Trạm Điều khiển, Lữ đoàn 679, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1986	10/2004	Xã Mai Trung, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang
101.	Nguyễn Quốc Tuấn	Trung úy CN	Nhân viên Nấu ăn, Hải đội 137, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1982	10/2004	Xã Đông Lâm, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình
102.	Đỗ Văn Vương	Trung úy CN	Nhân viên Hàng hải, Tàu 209, Hải đội 137, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1984	10/2004	Xã Phượng Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương
103.	Hoàng Văn Nam	Trung úy CN	Nhân viên, Ban Cơ yếu, Phòng Tham mưu, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1985	02/2005	Xã Đằng Hải, huyện An Hải, thành phố Hải Phòng
104.	Lê Hồng Thanh	Trung úy CN	Nhân viên Cơ điện, Tàu 311, Hải đội 135, Lữ đoàn 170, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1986	02/2005	Xã Tú Sơn, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng
105.	Nguyễn Lương Thanh	Trung úy CN	Nhân viên Cơ yếu, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 147, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1986	02/2005	Xã Liêm Hải, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định
106.	Hà Văn Tuấn	Trung úy CN	Nhân viên Báo vụ, Trạm Thông tin Ra đa, Lữ đoàn 679, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1986	02/2005	Xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương
107.	Lê Văn Thương	Thượng úy	Thuyền trưởng, Tàu 786, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1988	10/2006	Xã Yên Phú, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
108.	Nguyễn Bá Khởi	Trung úy CN	Nhân viên Báo vụ, Trạm Thông tin Ra đa, Lữ đoàn 679, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1987	3/2007	Xã Chuyên Ngoại, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
109.	Nguyễn Thị Dung	Trung	Nhân viên Nấu ăn, Hải đội 137, Vùng	1986	6/2007	Xã Diễn Đồng, huyện Diên

		ủy CN	1, Quân chủng Hải quân			Châu, tỉnh Nghệ An
110.	Vũ Xuân Diễm	Thượng úy	Ngành trưởng, Tàu 306, Hải đội 135, Lữ đoàn 170, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1989	9/2007	Xã Hải Hoà, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá
111.	Lương Văn Hải	Trung úy	Chính trị viên, Tàu 312, Hải đội 135, Lữ đoàn 170, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1988	9/2007	Xã Nam Thắng, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình
112.	Bùi Gia Huy	Trung úy	Nghiệp vụ Súng pháo, Hải đội 137, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1987	9/2007	Thị trấn Đại Từ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
113.	Lê Đông Hưng	Trung úy	Phó Thuyền trưởng, Tàu 210, Hải đội 137, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1988	9/2007	Xã Thanh Thủy, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
114.	Vũ Đức Nguyên	Thiếu úy CN	Nhân viên, Tiểu đoàn 472, Lữ đoàn 147, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1987	02/2006	Xã Diễn Kim, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
115.	Lê Đình Kỳ	Trung úy CN	Nhân viên Báo vụ, Hải đội 4, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1987	02/2006	Xã Văn Đầu, huyện Kiến An, thành phố Hải Phòng
116.	Vũ Đức Tân	Trung úy	Trợ lý Ban Quân khí, Phòng Kỹ thuật, Lữ đoàn 170, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1989	9/2006	Xã Hợp Thành, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng
117.	Nguyễn Văn Dân	Thượng úy	Trợ lý, Ban Khí tài, Phòng Kỹ thuật, Lữ đoàn 170, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1988	9/2006	Xã Đông Trà, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình
118.	Trần Văn Hồng	Đại úy	Thuyền trưởng, Tàu 312, Hải đội 135, Lữ đoàn 170, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1988	9/2006	Xã Giao Yên, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
119.	Mạc Văn Hải	Đại úy	Trợ lý Tham mưu - Kế hoạch, Tiểu đoàn 158, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1988	9/2006	Xã Hùng Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
120.	Phạm Văn Hào	Trung úy CN	Trắc thủ, Đội Hỏa lực, Lữ đoàn 679, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1981	10/2006	Xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
121.	Đào Thị Ngân	Đại úy CN	Nhân viên, Kho 700, Cục Hậu cần, Quân chủng Hải quân	1980	5/2003	Xã Hưng Đạo, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương
122.	Nguyễn Thị Thanh Hải	Thượng úy	Kỹ thuật viên, Khoa xét nghiệm, Viện Y học, Cục Hậu cần, Quân chủng Hải quân	1978	8/2004	Xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình



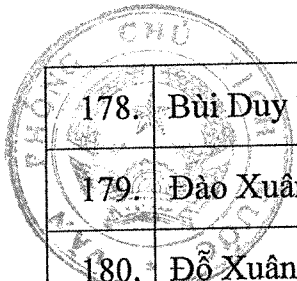
123.	Ngô Văn Chương	Trung úy CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho 700, Cục Hậu cần, Quân chủng Hải quân	1987	2/2005	Xã An Sơn, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
124.	Hà Văn Dũng	Trung úy CN	Y sỹ, Khoa B9, Viện Y học, Cục Hậu cần, Quân chủng Hải quân	1986	2/2005	Xã Nghĩa Hưng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
125.	Ngô Thanh Tuấn	Đại úy	Trợ lý, Phòng Doanh trại, Cục Hậu cần, Quân chủng Hải quân	1987	9/2005	Xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
126.	Đỗ Đình Quyền	Trung úy CN	Nhân viên Máy tàu, Tàu 630, Hải đội 384, Cục Hậu cần, Quân chủng Hải quân	1987	02/2006	Xã Bắc Hưng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng
127.	Đặng Thị Luyến	Đại úy	Phó Chủ nhiệm Khoa xét nghiệm, Viện Y học, Cục Hậu cần, Quân chủng Hải quân	1981	7/2006	Xã Bắc Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
128.	Bùi Sỹ Luân	Thượng úy	Trợ lý Hậu cần, Kho 711, Cục Hậu cần, Quân chủng Hải quân	1988	9/2006	Xã Kỳ Bắc, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
129.	Phạm Thị Dung	Trung úy CN	Nhân viên, Phân kho Vật tư, Kho 700, Cục Hậu cần, Quân chủng Hải quân	1988	02/2007	Xã Thụy Lôi, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên
130.	Trương Thanh Tùng	Đại úy	Trợ lý, Phòng Doanh trại, Cục Hậu cần, Quân chủng Hải quân	1984	02/2007	Xã Quảng Vinh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
131.	Võ Văn Bính	Thiếu úy CN	Nhân viên, Phân kho Xăng dầu, Kho 700, Cục Hậu cần, Quân chủng Hải quân	1987	3/2007	Phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
132.	Nguyễn Đình Thao	Trung úy CN	Lái xe, Đội xe, Kho 711, Cục Hậu cần, Quân chủng Hải quân	1988	3/2007	Xã Lạng Phong, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
133.	Lê Thanh Thành	Trung úy CN	Nhân viên, Phòng Hóa nghiệm, Kho 711, Cục Hậu cần, Quân chủng Hải quân	1986	3/2007	Xã Hoàng Thái, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
134.	Dương Thị Minh Thu	Trung úy CN	Nhân viên Nấu ăn, Tiểu đoàn 45, Cục Hậu cần, Quân chủng Hải quân	1975	6/2007	Xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
135.	Quách Thị Thương Huyền	CNVQP	Bác sỹ, Khoa B9, Viện Y học, Cục Hậu cần, Quân chủng Hải quân	1982	6/2007	Xã Vũ Chính, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
136.	Lê Xuân Hiếu	Đại úy	Thuyền trưởng Tàu 649, Hải đội 384, Cục Hậu cần, Quân chủng Hải quân	1989	8/2007	Xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
137.	Phạm Văn Công	Trung	Nhân viên, Trạm 61, Phòng Kỹ thuật,	1983	02/2003	Xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa

		úy CN	Vùng 2, Quân chủng Hải quân			Hưng, tỉnh Nam Định
138.	Hoàng Văn Dũng	Thượng úy CN	Nhân viên Tua bin, Tàu 380, Lữ đoàn 167, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1984	02/2003	Xã Quảng Hòa, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình
139.	Phan Văn Nghĩa	Trung úy CN	Nhân viên Cơ điện, Khung Dự trữ, Tiểu đoàn DK1, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1984	02/2003	Xã Quế Nham, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang
140.	Hoàng Văn Tráng	Trung úy CN	Tiểu đội phó Tua bin, Tàu 382, Lữ đoàn 167, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1984	10/2003	Xã Hùng Sơn, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
141.	Trương Thế Giang	Trung úy CN	Phó Thuyền trưởng, Tàu KN 210, Đội 1, Chi đội Kiểm ngư số 2, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1983	02/2004	Xã An Bình, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
142.	Giáp Hồng Bộ	Trung úy CN	Nhân viên Lái xe, Đội xe, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 125, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1985	02/2004	Xã Quảng Thạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
143.	Đoàn Thế Trường	Trung úy CN	Thuyền thủ trưởng, Tàu 379, Lữ đoàn 167, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1982	02/2004	Xã Hà Ngọc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa
144.	Nguyễn Danh Hùng	Trung úy CN	Nhân viên Tua bin, Tàu 379, Lữ đoàn 167, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1984	02/2004	Xã Xuân Yên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
145.	Nguyễn Anh Ngọc	Thiếu úy CN	Lái xe, Trạm Thông tin Ra đa, Lữ đoàn 681, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1986	02/2004	Xã Phú Phúc, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
146.	Phạm Huy Tú	Thượng úy	Trưởng ngành Cơ điện, Tàu 378, Lữ đoàn 167, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1985	9/2004	Xã Đồng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
147.	Nguyễn Văn Thương	Thượng úy	Phó Thuyền trưởng, Tàu 935, Hải đội 811, Lữ đoàn 125, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1985	9/2004	Xã Hà Giang, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa
148.	Nguyễn Văn Đê	Thượng úy	Trợ lý, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 167, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1985	10/2004	Xã Gia Vân, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
149.	Phan Tế Thế	Trung úy CN	Thuyền thủ, Tàu 636, Hải đội 811, Lữ đoàn 125, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1983	02/2005	Xã Quảng Hòa, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình
150.	Trần Văn Lợi	Trung úy CN	Hàng hải số 2, Tàu 383, Lữ đoàn 167, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1985	02/2005	Xã Bình Khánh Tây, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre
151.	Trần Anh Thư	Trung	Phó Thuyền trưởng, Tàu KN 221, Đội 2,	1985	3/2005	Xã Nghĩa Phúc, huyện Nghĩa

		úy	Chi đội Kiểm ngư số 2, Vùng 2, Quân chủng Hải quân			Hung, tỉnh Nam Định
152.	Trương Thị Nga	Thượng úy CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 167, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1982	5/2005	Xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa
153.	Nguyễn Tấn Tài	Thượng úy	Trưởng ngành 2, Tàu 377, Lữ đoàn 167, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1986	9/2005	Xã Thụy Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
154.	Phạm Văn Dương	Trung úy CN	Nhân viên, Tàu 924, Hải đội 5, Lữ đoàn 125, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1987	02/2006	Xã Quảng Đông, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
155.	Nguyễn Văn Cường	Trung úy CN	Nhân viên, Tàu 636, Hải đội 811, Lữ đoàn 125, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1985	02/2006	Xã Quốc Tuấn, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
156.	Vũ Văn Bình	Trung úy CN	Nhân viên Máy tàu, Tàu 378, Lữ đoàn 167, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1987	02/2006	Xã Lô Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
157.	Nguyễn Văn Đức	Trung úy CN	Tiểu đội trưởng Điện, Tàu 379, Lữ đoàn 167, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1987	02/2006	Xã Sơn Đà, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
158.	Vũ Anh Thơ	Trung úy CN	Tiểu đội trưởng Ngành 3, Tàu 09, Lữ đoàn 171, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1985	02/2006	Xã Sơn Bằng, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
159.	Nguyễn Văn Hưng	Trung úy CN	Tiểu đội trưởng, Ngành 5, Tàu 11, Lữ đoàn 171, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1987	02/2006	Xã Đông Hòa, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
160.	Nguyễn Thị Hương Huệ	Trung úy CN	Nhân viên Xăng dầu, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 171, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1981	3/2006	Xã Nghi Lân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
161.	Phạm Thái Lai	Thượng úy	Thuyền trưởng, Tàu KN 211, Đội 1, Chi đội Kiểm ngư số 2, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1988	9/2006	Xã Quảng Thọ, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa
162.	Bùi Văn Hoan	Trung úy	Trạm phó, Trạm 96, Căn cứ 696, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1988	9/2006	Xã Trác Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
163.	Đinh Văn Tài	Thượng úy	Trung đội trưởng Thông tin, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 171, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1987	9/2006	Xã Thạch Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
164.	Nguyễn Văn Tú	Thượng úy	Trợ lý, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 171, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1988	9/2006	Xã Yên Ninh, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
165.	Nguyễn Xuân Hòa	Đại úy	Trưởng ngành Tên lửa - Pháo, Tàu 378, Lữ đoàn 167, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1988	9/2006	Phường Quảng Tiến, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

166.	Nguyễn Thị Thắm	Trung úy CN	Nhân viên, Ban Quân lực, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 125, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1985	01/2007	Xã Sơn Hồng, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
167.	Mai Xuân Cường	Trung úy CN	Nhân viên Báo vụ, Nhà giàn DK1/2, Tiểu đoàn DK1, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1984	3/2007	Xã Sơn Bằng, huyện Hương Sơn, Hà Tĩnh
168.	Lương Ngọc Thành	Trung úy	Trưởng ngành 1, Tàu 15, Lữ đoàn 171, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1987	3/2007	Xã Xuân Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa
169.	Nguyễn Huy Tường	Trung úy CN	Thủy thủ trưởng, Tàu KN214, Chi đội Kiểm ngư số 2, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1985	3/2007	Xã Giao Hương, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
170.	Võ Như Quyết	Trung úy CN	Nhân viên Máy tàu 636, Hải đội 811, Lữ đoàn 125, Vùng 2 Hải quân	1983	3/2007	Xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
171.	Hoàng Văn Đông	Trung úy CN	Nhân viên Tài chính, Căn cứ 696, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1988	3/2007	Xã Minh Thuận, huyện Vũ Bản, tỉnh Nam Định
172.	Phạm Văn Cường	Trung úy	Trợ lý, Ban Quân khí, Phòng Kỹ thuật, Lữ đoàn 171, Vùng 2, Quân chủng Hải quân	1989	9/2007	Xã Đồng Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình
173.	Đàm Thanh Tuấn	Trung úy CN	Nhân viên Máy, Tàu 274, Hải đội 132, Lữ đoàn 172, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1983	2/2003	Xã Hoằng Đạt, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá
174.	Đỗ Xuân Thủy	Trung úy CN	Nhân viên, Máy, Tàu 861, Hải đội 314, Lữ đoàn 161, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1983	02/2003	Xã Sơn Tân, Huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
175.	Dương Ngọc Đức	Trung úy CN	Nhân viên Máy, Tàu 360, Hải đội 131, Lữ đoàn 172, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1984	02/2003	Xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
176.	Lê Khắc Phước	Thiếu úy CN	Lái xe, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 680, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1983	02/2003	Xã Quỳnh Minh, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
177.	Nguyễn Ngọc Trường	Trung úy CN	Nhân viên, Tàu 863, Hải đội 314, Lữ đoàn 161, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1985	10/2003	Xã Văn Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

20



178.	Bùi Duy Tới	Trung úy CN	Lái xe, Đội Hòa lực, Lữ đoàn 680, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1985	02/2004	Xã Cẩm Dương, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh
179.	Đào Xuân Mạnh	Trung úy CN	Tiểu đội trưởng, Đội Hòa lực, Lữ đoàn 680, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1982	02/2004	Xã Giao Xuân, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
180.	Đỗ Xuân Bằng	Trung úy CN	Trắc Thủ, Đội Hòa lực, Lữ đoàn 680, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1983	02/2004	Phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
181.	Phan Ngọc Hoàng	Trung úy CN	Lái xe, Trạm Kỹ thuật, Lữ đoàn 680, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1980	02/2004	Xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
182.	Đinh Văn Bắc	Thượng úy	Trưởng ban Xăng dầu, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 161, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1986	9/2004	Xã Quảng Hòa, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình
183.	Lê Thị Yến	Thượng úy CN	Y sỹ, Bệnh xá, Phòng Hậu cần, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1983	10/2004	Xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
184.	Nguyễn Đình Mây	Trung úy CN	Nhân viên Pháo, Tàu 335, Hải đội 315, Lữ đoàn 172, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1986	2/2005	Xã Thạch Tượng, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
185.	Nguyễn Mạnh Tuấn	Trung úy CN	Thủy thủ trưởng, Tàu 862, Hải đội 314, Lữ đoàn 161, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1985	02/2005	Xã Diễn Hồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
186.	Nguyễn Văn Nam	Trung úy CN	Y sỹ, Bệnh xá, Phòng Hậu cần, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1985	02/2005	Xã Đại Bái, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh
187.	Trần Đức Hiền	Trung úy CN	Lái Xe, Đội Xe tải, Phòng Hậu cần, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1984	02/2005	Xã Diễn Hạnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
188.	Trương Đình Tri	Đại úy	Trưởng ngành, Hải đội 314, Lữ đoàn 161, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1987	9/2005	Xã Diễn Hồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
189.	Nguyễn Quang Huy	Trung úy CN	Nhân viên Báo vụ, Tàu 861, Hải đội 314, Lữ đoàn 161, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1987	02/2006	Xã Dũng Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
190.	Nguyễn Quang Thắng	Trung úy	Nghiệp vụ Pháo, Hải đội 131, Lữ đoàn 172, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1988	9/2006	Xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

191.	Nguyễn Thành Trung	Thượng úy	Trạm trưởng, Trạm 68, Phòng Kỹ thuật, Lữ đoàn 161, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1988	9/2006	Xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
192.	Phạm Trung Tuấn	Trung úy	Thuyền trưởng, Tàu KN 301, Đội 1, Chi đội Kiểm ngư số 3, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1986	9/2006	Xã Giao Lạc, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
193.	Phạm Thị Minh Thắng	Trung úy CN	Y sỹ, Bệnh xá, Phòng Hậu cần, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1983	6/2007	Xã Nghĩa Đồng, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An
194.	Phạm Thị Tuyết	Trung úy CN	Nhân viên Nấu ăn, Tiểu đoàn 355, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1980	6/2007	Xã Diễn Trung, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
195.	Lê Tất Thắng	Trung úy	Phó Thuyền trưởng, Tàu 274, Hải đội 132, Lữ đoàn 172, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1989	9/2007	Xã Vĩnh Nam, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị
196.	Ngô Văn Hùng	Thượng úy	Trạm phó Quân sự, Trạm 545, Trung đoàn 351, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1988	9/2007	Xã Sơn Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
197.	Nguyễn Đạt	Thượng úy	Trợ lý Tham mưu, Tiểu đoàn 355, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1989	9/2007	Xã Thái Dương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
198.	Trần Hữu Phú	Thượng úy	Chính trị viên, Trung tâm Bảo đảm Kỹ thuật 354, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1988	9/2007	Xã Nam Hưng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
199.	Lê Thanh Trúc	Thượng úy	Trợ lý, Ban Tham mưu, Trung đoàn 351, Vùng 3, Quân chủng Hải quân	1989	9/2007	Xã Hiền Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình
200.	Lê Hồng Hải	Thượng úy	Phân đội trưởng Pháo 37, đảo Phan Vinh, Lữ đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1984	02/2003	Phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
201.	Nguyễn Đăng Thư	Trung úy CN	Y sỹ, đảo Đá Thị, Lữ đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1984	02/2003	Xã Hiền Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình
202.	Nguyễn Văn Hùng	Trung úy CN	Nhân viên, Đại đội 13, Phòng Kỹ thuật, Lữ đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1984	02/2003	Xã Quảng Vinh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
203.	Nguyễn Văn Thái	Trung úy CN	Nhân viên, Tiểu đoàn 453, Lữ đoàn 957, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1983	02/2003	Xã Đại Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình
204.	Nguyễn Xuân Thùy	Trung úy CN	Bảo vệ, Đại đội 5, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1983	02/2003	Xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
205.	Trần Văn Bình	Trung	Xạ thủ A87, Tàu 374, Lữ đoàn 162,	1983	02/2003	Xã Đào Dương, huyện Ân Thi,

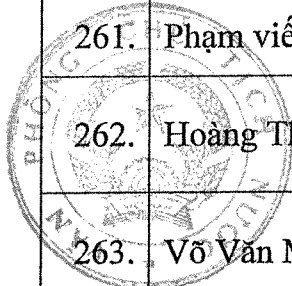
		úy CN	Vùng 4, Quân chủng Hải quân			tỉnh Hưng Yên
206.	Trần Thanh Sơn	Đại úy	Trợ lý, Ban Chính trị, Trung đoàn 451, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1983	9/2003	Xã Đông Tân, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
207.	Nguyễn Văn Ba	Trung úy CN	Nhân viên, Tàu KN 416, Đội 2, Chi đội Kiểm ngư 4, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1983	10/2003	Xã Phục Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
208.	Đào Quốc Tuấn	Trung úy	Trung đội trưởng, Đại đội 3, Tiểu đoàn 452, Lữ đoàn 957, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1985	02/2004	Phường Bắc Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa
209.	Nguyễn Đình Đình	Trung úy CN	Y sỹ, Điểm B, đảo Thuyền Chài, Lữ đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1983	02/2004	Xã Nhật Quang, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
210.	Nguyễn Hoài Nam	Trung úy CN	Nhân viên, Đại đội 13, Phòng Kỹ thuật, Lữ đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1985	02/2004	Xã Sen Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình
211.	Nguyễn Hữu Khẩn	Thượng úy	Trợ lý, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 957, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1984	02/2004	Xã Phụng Thượng, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
212.	Nguyễn Văn Nam	Thượng úy	Chính trị viên, Điểm B, đảo Đá Đông, Lữ đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1985	02/2004	Xã Hoài Hương, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định
213.	Trần Xuân Hiếu	Trung úy CN	Nhân viên, Điểm A, đảo Đá Tây, Lữ đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1985	02/2004	Xã Tân Phong, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
214.	Cần Ngọc Sơn	Đại úy	Phó Tiểu đoàn trưởng, Tiểu đoàn 862, Lữ đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1984	9/2004	Xã Quảng Vọng, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
215.	Đặng Thành Trân	Thượng úy	Trợ lý, Tiểu đoàn 871, Lữ đoàn 957, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1982	9/2004	Xã Phong Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
216.	Trần Văn Phúc	Đại úy	Đại đội trưởng, Đại đội 4, Tiểu đoàn 453, Lữ đoàn 957, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1986	9/2004	Xã Quảng Thủy, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình
217.	Cao Xuân Giáp	Thượng úy	Trung đội trưởng, Đại đội 4, Tiểu đoàn 452, Lữ đoàn 957, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1986	10/2004	Xã Cao Dương, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
218.	Lê Văn Hải	Trung úy CN	Nhân viên, Ban Thông tin, Lữ đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1985	10/2004	Xã Quảng Vinh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
219.	Hoàng Thanh Lam	Trung úy CN	Nhân viên, đảo Sinh Tồn Đông, Lữ đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1985	02/2005	Xã Yên Quang, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định

220.	Trần Văn Trường	Trung úy CN	Dược sĩ, Tàu 561, Hải đội 411, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1986	02/2005	Xã Thái Hòa, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
221.	Hoàng Văn Bính	Trung úy	Phó Thuyền trưởng, Tàu KN 417, Đội 2, Chi đội Kiểm ngư 4, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1986	02/2005	Xã An Lễ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
222.	Phan Hoàng Tuấn	Trung úy CN	Nhân viên, đảo Sinh Tồn, Lữ đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1984	3/2005	Xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
223.	Nguyễn Văn Quảng	Đại úy	Chính trị viên, Đại đội 4, Tiểu đoàn 453, Lữ đoàn 957, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1987	9/2005	Xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
224.	Phạm Văn Thiệu	Đại úy	Phó Đại đội trưởng, Đại đội 4, Tiểu đoàn 453, Lữ đoàn 957, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1986	9/2005	Xã Văn Nhuệ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
225.	Trần Phương	Đại úy	Phó Trưởng ngành 5, Tàu 012, Lữ đoàn 162, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1986	9/2005	Xã Hồng Lộc, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh
226.	Nguyễn Công Đoàn	Trung úy CN	Nhân viên, Điểm B, đảo Đá Đông, Lữ đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1987	02/2006	Phường Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
227.	Phan Văn Tuấn	Trung úy CN	Nhân viên Máy, Tàu 905, Hải đội 411, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1984	02/2006	Xã Xuân Thọ, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
228.	Đào Trường Xuân	Thượng úy	Phân đội trưởng, đảo Phan Vinh, Lữ đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1988	9/2006	Xã Mỹ Tân, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
229.	Đỗ Văn Kiên	Trung úy	Bác sỹ, đảo Đá Tây, Lữ đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1987	9/2006	Xã Đồng Minh, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
230.	Lê Đức Lương	Thượng úy	Bác sỹ, Đội Điều trị 486, Phòng Hậu cần, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1988	9/2006	Xã Thất Hùng, huyện Kim Sơn, tỉnh Hải Dương
231.	Nguyễn Đình Thụy	Thượng úy	Trung đội trưởng, Đại đội 3, Tiểu đoàn 862, Lữ đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1987	9/2006	Xã Đức Đồng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
232.	Phạm Văn Phúc	Trung úy CN	Thợ sửa chữa, Xưởng 33, Phòng Kỹ thuật, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1985	10/2006	Xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang
233.	Nguyễn Văn Thìn	Thượng úy	Trợ lý, Ban Quân khí, Phòng Kỹ thuật, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1988	10/2006	Xã Bạch Long, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định

234.	Bùi Sỹ Bắc	Trung úy CN	Thợ sửa chữa, đảo Trường Sa Đông, Lữ đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1986	10/2006	Xã Thanh Long, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
235.	Nguyễn Văn Doanh	Trung úy CN	Nhân viên, đảo Trường Sa, Lữ đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1987	10/2006	Xã Tân Lập, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
236.	Trần Văn Dự	Thiếu úy	Trưởng ngành 2, Tàu 376, Lữ đoàn 162, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1987	10/2006	Xã Vũ Văn, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
237.	Nguyễn Xuân Thông	Thượng úy	Phó Thuyền trưởng, Tàu 571, Hải đội 411, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1989	02/2007	Xã Vạn Phái, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên
238.	Hoàng Văn Nam	Trung úy	Trưởng ngành 1, Lữ đoàn 162, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1988	3/2007	Xã Gia Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình
239.	Nguyễn Văn Tuấn	Trung úy CN	Nhân viên, Điểm C, đảo Đá Đông, Lữ đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1985	3/2007	Xã Sen Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình
240.	Trần Minh Cương	Thiếu úy	Phó Trưởng ngành 5, Tàu 376, Lữ đoàn 162, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1988	3/2007	Xã Hà Giang, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa
241.	Trần Văn Tý	Thượng úy	Phân đội trưởng, cụm 2, đảo Sinh Tồn, Lữ đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1987	3/2007	Xã Hưng Khánh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
242.	Trần Xuân Hương	Trung úy CN	Nhân viên, Tàu Trường Sa 14, Hải đội 411, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1986	3/2007	Xã Yên Mỹ, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
243.	Vũ Mạnh Toàn	Trung úy	Thuyền trưởng, Tàu 9702, Hải đội 413, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1988	3/2007	Xã Yên Ninh, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
244.	Lê Xuân Dũng	Trung úy CN	Bảo vệ, Tàu KN 421, Đội 2, Chi đội Kiểm ngư 4, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1986	3/2007	Xã Diễn Yên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
245.	Bùi Thị Hiền	Trung úy CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 162, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1987	6/2007	Xã Hồng Thái Tây, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
246.	Lê Trọng Mười	Thượng úy	Ngành trưởng Tự lái, Trạm 42, Kho trạm 719, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1988	9/2007	Xã Tân Phong, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình



247.	Nguyễn Xuân Trường	Thượng úy	Phân đội trưởng, đảo Trường Sa, Lữ đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1989	9/2007	Xã Thống Nhất, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
248.	Ngô Văn Trung	Trung úy CN	Báo vụ, Điểm A, đảo Đá Đông, Lữ đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1989	10/2007	Xã Cẩm Lạc, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh
249.	Nguyễn Đăng Quyết	Trung úy	Chính trị viên, Đại đội 4, Tiểu đoàn 452, Lữ đoàn 957, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1989	10/2007	Xã Kế Thành, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
250.	Nguyễn Thị Hải Yến	Trung úy CN	Quản lý, Đại đội 3, Tiểu đoàn 458, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	1989	10/2007	Xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
251.	Lê Văn Hình	Trung úy CN	Lái xe, Đội xe con, Ban Hành chính, Phòng Tham mưu, Vùng 5, Quân chủng Hải quân	1983	3/2002	Xã Quảng Lợi, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
252.	Trần Thanh Hậu	Đại úy	Phó Đại đội trưởng, Đại đội 26, Tiểu đoàn 563, Vùng 5, Quân chủng Hải quân	1982	3/2003	Xã Hà Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa
253.	Khiếu Văn Bằng	Trung úy CN	Thợ xây, Đại đội 29, Phòng Tham mưu, Vùng 5, Quân chủng Hải quân	1983	02/2004	Xã Ninh Mỹ, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
254.	Bùi Ngọc Định	Trung úy	Chính Trị Viên, Đại đội 83, Tiểu đoàn 553, Vùng 5, Quân chủng Hải quân	1987	2/2006	Xã Tân Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang
255.	Nguyễn Công Minh	Thượng úy	Trợ lý, Ban Thông tin, Phòng Tham Mưu, Vùng 5, Quân chủng Hải quân	1987	9/2006	Xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa
256.	Lê Thanh Phúc	Thượng úy	Trợ lý Tham mưu, Tiểu đoàn 563, Vùng 5, Quân chủng Hải quân	1987	9/2006	Xã Đức Lĩnh, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh
257.	Đinh Văn Hơn	Thượng úy	Chính trị viên, Đại đội 26, Tiểu đoàn 563, Vùng 5, Quân chủng Hải quân	1986	9/2006	Xã Thanh Lâm, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
258.	Triệu Văn Phúc	Trung úy	Trung đội trưởng Thông tin, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 127, Vùng 5, Quân chủng Hải quân	1986	9/2006	Xã Xuân Vĩnh, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định
259.	Mai Quốc Cường	Trung úy	Trợ lý, Ban Quân lực, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 127, Vùng 5, Quân chủng Hải quân	1986	10/2006	Xã Thường Nga, huyện Cao Lộc, tỉnh Hà Tĩnh
260.	Phạm Đức Quý	Trung úy CN	Nhân viên, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 127, Vùng 5, Quân chủng Hải quân	1987	10/2006	Xã Gia Phú, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình



261.	Phạm viết Thắng	Thượng úy	Trợ lý, Phòng Chính trị, Trường Trung cấp Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân	1988	10/2007	Xã Châu Minh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang
262.	Hoàng Thị Lan	Thượng úy CN	Nhân viên, Quân y, Phòng Hậu cần, Trường Trung cấp Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân	1982	12/2007	Xã Thượng Hiền, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
263.	Võ Văn Minh	Trung úy CN	Trung đội trưởng vệ binh, Phòng Tham mưu, Trường Trung cấp Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân	1984	2/2002	Xã Nam Quang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An